

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Hoàng Thị Minh Hữu**

**Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Văn Tĩnh**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG  
TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH DAE HYUN VINA**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Hoàng Thị Minh Hữu**

**Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Văn Tĩnh**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: .Hoàng Thị Minh Hữu      Mã SV: 120758

Lớp QT 1204K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty  
TNHH Dae Hyun Vina

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

**PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## LỜI MỞ ĐẦU

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải có Tiền. Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho doanh nghiệp hình thành, tồn tại, phát triển, là điều kiện vật chất để doanh nghiệp thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh, hoàn thành nhiệm vụ của mình, tạo ra lợi nhuận. Hạch toán kế toán vốn bằng tiền là việc tính toán, ghi chép, phản ánh sự vận động của Vốn bằng tiền, việc thu, chi và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp thông qua đó để nhà quản lý doanh nghiệp có những quyết sách tổ chức sử dụng Vốn bằng tiền có hiệu quả mang lại lợi nhuận tối đa cho doanh nghiệp.

Nhận thức được vai trò, vị trí và tầm quan trọng của Vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Dae Hyun Vina em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu Vốn bằng tiền, kế toán Vốn bằng tiền tại doanh nghiệp và chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: *Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina.*

Khóa luận ngoài *lời mở đầu* và *kết luận* được kết cấu gồm 3 chương:

*Chương I: Một số vấn đề lý luận chung về Vốn Bằng Tiền và hạch toán kế toán Vốn Bằng Tiền trong các doanh nghiệp.*

*Chương II: Tổ chức công tác kế toán Vốn Bằng Tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina*

*Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán Vốn Bằng Tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina*

Tuy nhiên, Do nắm bắt tình hình thực tế về Vốn bằng tiền chưa nhiều và thời gian thực tập có hạn nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ dạy của Ban giám đốc, phòng tài chính kế toán của công ty, các thầy cô để em bổ sung, sửa đổi, căn chỉnh cho khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em xin được trình bày dưới đây nội dung của khóa luận:

## CHƯƠNG I:

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

### 1.1 Lý luận chung về vốn bằng tiền

#### 1.1.1 Khái niệm vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ bao gồm: Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, Tiền đang chuyển. Với tính linh hoạt cao nhất - Vốn bằng tiền dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí. Mỗi loại Vốn bằng tiền được sử dụng vào mục đích khác nhau và có yêu cầu quản lý từng loại, nhằm quản lý chặt chẽ tình hình thu chi và đảm bảo an toàn cho từng loại, sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích.

#### 1.1.2 Đặc điểm của vốn bằng tiền

- Vốn bằng tiền có tính thanh khoản cao nhất.
- Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung, do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô, lãng phí.
- Sự luân chuyển của nó liên quan hầu hết đến giai đoạn sản xuất kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp.

#### 1.1.3 Phân loại vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền trong doanh nghiệp được phân loại theo các cách tiếp cận sau:

- Theo trách nhiệm quản lý Vốn bằng tiền gồm:
  - Tiền mặt tại quỹ (TK 111)
  - Tiền gửi ngân hàng (TK 112)
  - Tiền đang chuyển (TK 113)
- Theo hình thái tài sản Vốn bằng tiền gồm:
  - Tiền Việt Nam Đồng
  - Tiền ngoại tệ
  - Tiền vàng, bạc, kim loại quý, đá quý



#### ***1.1.4 Vai trò, vị trí của vốn bằng tiền***

Vốn bằng tiền có vai trò vô cùng quan trọng. Nó được dùng để hình thành tài sản cố định như: Mua sắm máy móc, trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng. Hình thành đối tượng lao động như: Mua sắm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Hình thành quỹ lương: Trả lương cho cán bộ công nhân viên...

Như vậy vốn bằng tiền là điều kiện đầu tiên để doanh nghiệp đi vào hoạt động. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng vai trò rất quan trọng, đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Ngoài ra vốn bằng tiền còn đảm bảo cho quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp được tiến hành thường xuyên, liên tục. Vốn bằng tiền còn là công cụ phản ánh đánh giá quá trình mua sắm, dự trữ, sản xuất, tiêu thụ của doanh nghiệp.

Vốn bằng tiền quyết định đến quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường doanh nghiệp hoàn toàn tự chủ trong việc sử dụng vốn nên khi muốn mở rộng quy mô của doanh nghiệp phải huy động một lượng vốn nhất định để đầu tư. Vốn bằng tiền còn giúp cho doanh nghiệp chớp được thời cơ kinh doanh và tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

#### ***1.1.5 Sự cần thiết của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp***

Như đã trình bày ở trên: Nhờ có vốn bằng tiền mà doanh nghiệp mới mua sắm được các yếu tố đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định đến quy mô hoạt động của doanh nghiệp, từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh mới được tiến hành. Do đó doanh nghiệp cần phải quản lý vốn bằng tiền một cách thường xuyên và chặt chẽ.

#### ***1.1.6 Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền***

Phải quản lý tốt Vốn bằng tiền trong doanh nghiệp nhằm hạn chế bớt tình trạng gian lận cũng như sự móc ngoặc giữa các nhân viên trong việc tham ô tiền mặt.

Việc quản lý vốn bằng tiền phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Việc biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ gốc hợp lệ.

- Việc sử dụng, chi tiêu tiền của doanh nghiệp phải đúng mục đích, đúng chế độ.

Một số phương pháp để thực hiện việc quản lý Vốn bằng tiền gồm:

- Tách biệt nhân viên giữ tiền mặt với việc giữ các sổ sách kế toán, những nhân viên giữ tiền mặt không được tiếp cận với sổ sách kế toán và các nhân viên kế toán không được giữ tiền mặt.

- Lập bản danh sách ghi hóa đơn thu tiền tại thời điểm và nơi nhận tiền mặt.

- Thực hiện thanh toán bằng Séc, chỉ nên dùng tiền mặt chi tiêu cho các khoản lặt vặt, không được chi trả tiền mặt thay cho việc chi trả Séc.

- Trước khi phát hành 1 tờ Séc để thanh toán phải kiểm tra số lượng và giá trị các khoản chi.

- Tách chức năng duyệt chi khỏi chức năng ký Séc.

### ***1.1.7 Vai trò của kế toán vốn bằng tiền***

Cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác và kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó giúp cho doanh nghiệp đưa ra các quyết định chính xác, phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

Đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp, hoặc mua sắm vật tư hàng hóa để sản xuất kinh doanh.

Phải quản lý Vốn bằng tiền một cách chặt chẽ, thường xuyên kiểm soát các hoạt động thu chi bằng tiền vì đây là khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có nhiều khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác.

Việc quản lý vốn bằng tiền được sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như: Thống kê, Phân tích hoạt động kinh tế.... Trong đó công tác kế toán là công cụ quản lý quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh, giám sát thường xuyên liên tục sự thay đổi của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật. Kế toán cung cấp những tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong quá trình hoạt động sản xuất kinh

doanh.

### ***1.1.8 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền***

- Ghi chép kịp thời thu, chi tiền mặt trên các chứng từ tiền mặt, sổ quỹ và sổ kế toán tiền mặt.
- Ghi chép và đối chiếu số gửi vào, rút ra của TGNH trên: Chứng từ báo nợ, báo có, sổ tiền gửi ngân hàng.
- Giám đốc việc thực hiện nguyên tắc quản lý thu, chi tiền mặt và việc chấp hành chế độ kế toán không dùng tiền mặt.
- Phản ánh kịp thời các khoản tiền đang chuyển để tránh thất thoát.
- Thực hiện kịp thời công tác lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo yêu cầu quản lý.

## **1.2 Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp**

### ***1.2.1 Những nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền***

- Tôn trọng nguyên tắc bất kiêm nhiệm giữa hai nhiệm vụ giữ tiền và lập chứng từ, ghi sổ kế toán tiền mặt.
- Ghi thu, chi tiền mặt, TGNH phải có chứng từ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hợp lý, hợp pháp.
- Chỉ dùng tiền mặt cho nghiệp vụ chi thường xuyên, tập trung quản lý tiền và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng thương mại và kho bạc nhà nước.
- Đối chiếu, điều chỉnh số dư tiền mặt, TGNH phải thực hiện thường xuyên trong kỳ.

### ***1.2.2 Các quy định phải tôn trọng khi hạch toán vốn bằng tiền***

1) Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

2) Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại

thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên Có các TK 1112, 1122 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, Nhập trước-xuất trước, Nhập sau-xuất trước, Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

Nhóm Tài khoản Vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu, chi phí tài chính (nếu phát sinh trong giai đoạn SXKD, kể cả doanh nghiệp SXKD có hoạt động đầu tư XDCCB) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCCB - giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên tài khoản 007 - ngoại tệ các loại (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

3) Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (Giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho.

### ***1.2.3 Các chứng từ, sổ sách sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền***

- ***Kế toán tiền mặt***

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Giấy đề nghị thanh toán, Biên lai thu tiền
- Bảng kê vàng, bạc, kim khí quý, đá quý
- Bảng kiểm kê quỹ (Dùng cho VNĐ)
- Bảng kiểm kê quỹ (Dùng cho ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý)
- Bảng kê chi tiền...

❖ **Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền mặt**

**Mẫu số 01:**

Đơn vị: .....

**Mẫu số: S07-DN**

Địa chỉ: .....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

**Loại quỹ: .....**

| Ngày,<br>Tháng<br>Ghi sổ | Ngày,tháng<br>Chứng từ | Số hiệu<br>chứng từ |     | Diễn Giải | Số tiền |     |     | Ghi chú |
|--------------------------|------------------------|---------------------|-----|-----------|---------|-----|-----|---------|
|                          |                        | Thu                 | Chi |           | Thu     | Chi | Tồn |         |
| A                        | B                      |                     |     | E         | 1       | 2   | 3   | G       |
|                          |                        |                     |     |           |         |     |     |         |
|                          |                        |                     |     |           |         |     |     |         |
|                          |                        |                     |     |           |         |     |     |         |
|                          |                        |                     |     |           |         |     |     |         |

- Sổ này có ..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang .....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày.... tháng.... Năm ....

**Thủ quỹ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 02:**

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**Mẫu số: S07a-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT**

**Tài khoản: .....**

**Loại quỹ: .....**

**Năm: .....**

| Ngày,<br>Tháng<br>Ghi sổ | Ngày,tháng<br>Chứng từ | Số hiệu<br>chứng từ |     | Diễn Giải                | TK<br>đối<br>ứng | Số phát<br>sinh |    | SSố<br>tồn | Ghi<br>chú |
|--------------------------|------------------------|---------------------|-----|--------------------------|------------------|-----------------|----|------------|------------|
|                          |                        | Thu                 | Chi |                          |                  | Nợ              | Có |            |            |
| A                        | B                      | C                   | D   | E                        | F                | 1               | 2  | 3          | G          |
|                          |                        |                     |     | Số tồn đầu kỳ            |                  |                 |    |            |            |
|                          |                        |                     |     | Số phát sinh trong<br>kỳ |                  |                 |    |            |            |
|                          |                        |                     |     | ....                     |                  |                 |    |            |            |
|                          |                        |                     |     | ....                     |                  |                 |    |            |            |
|                          |                        |                     |     | Số tồn cuối kỳ           |                  |                 |    |            |            |

- Sổ này có ..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang .....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày.... tháng ... năm ....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- *Kế toán tiền gửi ngân hàng :*

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Nợ
- Giấy báo Có
- Bảng sao kê
- Ủy nhiệm thu
- Ủy nhiệm chi....



❖ **Sổ sách sử dụng để hạch toán tiền gửi ngân hàng:**

**Mẫu số 03:**

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**Mẫu số: S08-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

Nơi mở tài khoản giao dịch: .....

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: .....

| Ngày,<br>Tháng<br>Ghi sổ | Chứng từ |                | Diễn Giải                | TK<br>đối ứng | Số tiền         |                |            | Ghi<br>chú |
|--------------------------|----------|----------------|--------------------------|---------------|-----------------|----------------|------------|------------|
|                          | Số hiệu  | Ngày,<br>Tháng |                          |               | Thu(gửi<br>vào) | Chi(rút<br>ra) | Còn<br>lại |            |
| A                        | B        | C              | D                        | E             | 1               | 2              | 3          | F          |
|                          |          |                | Số dư đầu kỳ             |               |                 |                |            |            |
|                          |          |                | Số phát sinh trong<br>kỳ |               |                 |                |            |            |
|                          |          |                | ....                     |               |                 |                |            |            |
|                          |          |                | ....                     |               |                 |                |            |            |
|                          |          |                | Số dư cuối kỳ            |               |                 |                |            |            |

- Sổ này có .....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày....tháng....năm....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 04:**

Đơn vị: .....

**Mẫu số: S38-DN**

Địa chỉ: .....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN**

Đối tượng: .....

Tài khoản: .....

Loại tiền:

| Ngày,<br>Tháng<br>ghi sổ | Chứng từ   |               | Diễn giải                 | TK đối<br>ứng | Số phát sinh |    | Số dư |    |
|--------------------------|------------|---------------|---------------------------|---------------|--------------|----|-------|----|
|                          | Số<br>Hiệu | Ngày<br>Tháng |                           |               | Nợ           | Có | Nợ    | Có |
| A                        | B          | C             | D                         | E             | 1            | 2  | 3     | 4  |
|                          |            |               | -Số dư đầu kỳ             |               |              |    |       |    |
|                          |            |               | -Số phát sinh trong<br>kỳ |               |              |    |       |    |
|                          |            |               | .....                     |               |              |    |       |    |
|                          |            |               | .....                     |               |              |    |       |    |
|                          |            |               | -Cộng số phát sinh<br>kỳ  |               |              |    |       |    |
|                          |            |               | -Số dư cuối kỳ            |               |              |    |       |    |

- Sổ này có .....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày....tháng....năm....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- ***Kế toán tiền đang chuyển :***

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy nộp tiền
- Biên lai thu tiền
- Phiếu chuyển tiền
- Một số chứng từ có liên quan khác.

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ cái TK 113

**Mẫu số 05:**

Đơn vị: .....

**Mẫu số: S03b-DN**

Địa chỉ: .....

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

**Năm: .....**

**Tên tài khoản: .....**

**Số hiệu: .....**

| Ngày,<br>Tháng<br>Ghi sổ | Chứng từ   |                | Diễn Giải                   | Nhật ký chung |             | Số hiệu<br>Tài khoản<br>đối ứng | Số tiền |    |
|--------------------------|------------|----------------|-----------------------------|---------------|-------------|---------------------------------|---------|----|
|                          | Số<br>hiệu | Ngày,<br>tháng |                             | Trang<br>số   | STT<br>dòng |                                 | Nợ      | Có |
| A                        | B          | C              | D                           | E             | G           | H                               | 1       | 2  |
|                          |            |                | Số dư đầu năm               |               |             |                                 |         |    |
|                          |            |                | Số phát sinh trong<br>tháng |               |             |                                 |         |    |
|                          |            |                | .....                       |               |             |                                 |         |    |
|                          |            |                | .....                       |               |             |                                 |         |    |
|                          |            |                | Cộng số phát sinh<br>tháng  |               |             |                                 |         |    |
|                          |            |                | Số dư cuối tháng            |               |             |                                 |         |    |
|                          |            |                | Cộng lũy kế từ đầu<br>quý   |               |             |                                 |         |    |

- Sổ này có .....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

*Ngày....tháng....năm....*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

### **1.3 Hạch toán kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp**

#### **1.3.1 Hạch toán kế toán tiền mặt**

##### **a) Hạch toán kế toán tiền mặt bằng Đồng Việt Nam**

Theo chế độ kế toán hiện hành, mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt nhất định tồn quỹ. Số tiền thường xuyên có mặt tại quỹ được ấn định tùy thuộc vào quy mô, tính chất hoạt động của doanh nghiệp. Để quản lý và hạch toán chính xác, tiền mặt của công ty được tập trung bảo quản tại quỹ. Mọi nghiệp vụ liên quan đến thu, chi, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện. Thủ quỹ do giám đốc doanh nghiệp chỉ định và chịu trách nhiệm giữ quỹ.

##### **❖ Hạch toán chi tiết**

- Chi phản ánh vào TK 111 “ Tiền mặt” số tiền mặt thực nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “Tiền đang chuyển” - Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

❖ **Hạch toán tổng hợp**

✚ **Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

• **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Phiếu chi

Ngoài ra còn có các chứng từ liên quan để kế toán xác định nội dung thu, chi như là:

- Hóa đơn GTGT của hàng hóa mua vào hoặc bán ra
- Giấy đề nghị tạm ứng
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên lai thu tiền
- Bảng kiểm kê quỹ (Dùng cho Đồng Việt Nam)
- Bảng kê chi tiền

• **Sổ sách sử dụng:**

- Nhật ký thu tiền ( S03a1- DN)
- Nhật ký chi tiền ( S03a2- DN)
- Sổ nhật ký chung ( S03a-DN)
- Sổ quỹ tiền mặt ( S07- DN)
- Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (S07a- DN)
- Sổ cái TK 111(dùng cho hình thức nhật ký chung)
- Sổ chi tiết tài khoản 1111

✚ **Tài khoản, kết cấu và nội dung phản ánh của TK 1111- Tiền Việt Nam.**

• **Tài khoản sử dụng:**

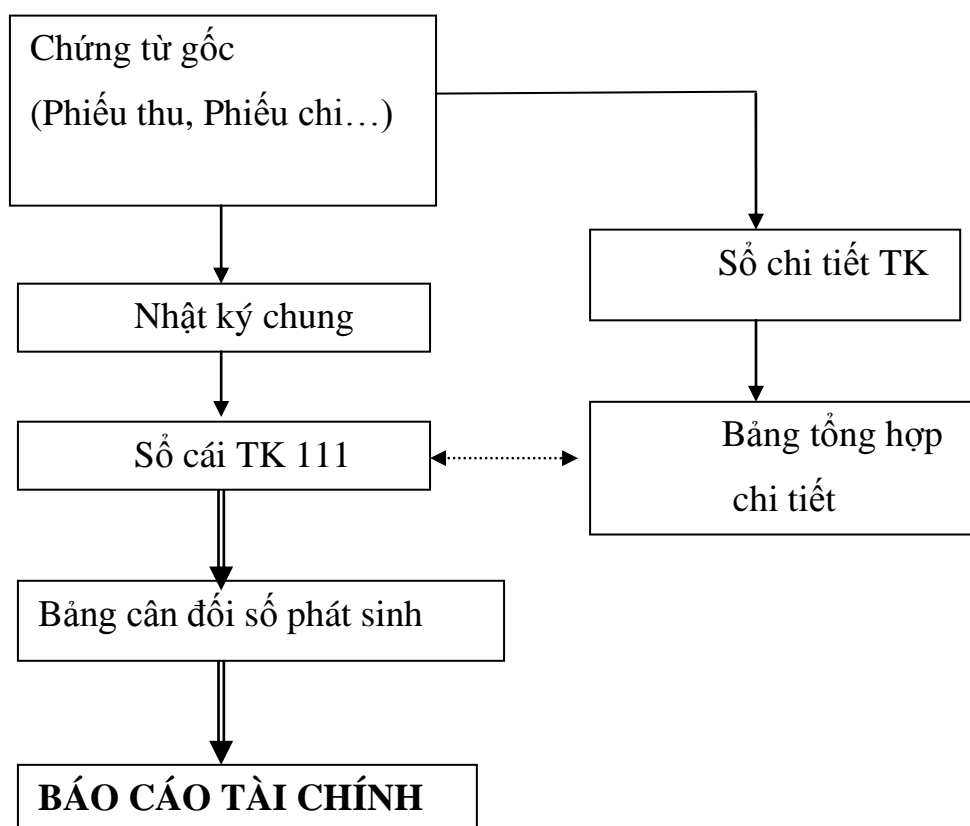
Tài khoản được sử dụng để hạch toán tiền Việt Nam đồng tại quỹ là TK 1111 – Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

• **Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 1111 – Tiền Việt Nam**

Tài khoản 1111

|   |   |
|---|---|
| - Các khoản tiền Việt Nam nhập quỹ.<br>- Số tiền Việt Nam thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê. | - Các khoản tiền Việt Nam xuất quỹ<br>- Số tiền Việt Nam thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê. |
| - Các khoản tiền Việt Nam còn tồn quỹ.  |   |

✚ **Trình tự ghi sổ kế toán Tiền Việt Nam**



**Sơ đồ 1.1: Trình tự hạch toán kế toán tiền mặt**

- Ghi hàng ngày:
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

**Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền Việt Nam tại quỹ**

111(1111)

|                 |  |                                  |  |
|-----------------|--|----------------------------------|--|
| 112(1121)       | Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ TM                         | 112(1121)                        | Gửi tiền mặt vào ngân hàng                           |
| 131,136,138     |  | 141,144,244                      |  |
| 141,144,244     | Thu hồi các khoản nợ phải thu                            | 121,128,221                      | Chi các khoản tạm ứng, ký cược, ký quỹ bằng tiền mặt |
| 121,128,221     |  | 222,223,228                      |  |
| 222,223,228     | Thu hồi các khoản tạm ứng, ký cược, ký quỹ bằng tiền mặt | Đầu tư ngắn hạn, dài hạn bằng TM |  |
| 311,341         | Thu hồi các khoản đầu tư                                 | 152,153,156,157                  |  |
| 411,441         | Vay ngắn hạn, dài hạn                                    | 611,211,213,217                  | Mua vật tư hàng hóa, công cụ, TSCĐ.                  |
| 511,512,515,711 | Nhận vốn góp, vốn cấp bằng TM                            | 311,315,331,333                  | Bằng tiền mặt  |
|                 | Doanh thu, thu nhập khác bằng TM                         | 334,336,338                      |  |
|                 |  | 627,641,642                      | Thanh toán nợ bằng TM                                |
|                 |  | 635,811                          |  |
|                 |  | 133                              | Chi phí phát sinh bằng TM                            |



**b) Hạch toán kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ**

**❖ Hạch toán chi tiết**

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán. Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên Có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

Tiền mặt là ngoại tệ được hạch toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007- Ngoại tệ các loại (TK ngoài bảng cân đối kế toán).

Việc quy đổi tỷ giá theo chuẩn mực kế toán 10 – “ Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” được ban hành theo quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của bộ trưởng Bộ Tài Chính:

+ Một giao dịch bằng ngoại tệ là một giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ, bao gồm các giao dịch phát sinh khi một doanh nghiệp:

\*Mua hoặc bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ mà giá cả được xác định bằng ngoại tệ.

\*Vay hoặc cho vay các khoản tiền mà số phải trả hoặc phải thu được xác định bằng ngoại tệ.

\*Trở thành một đối tác (một bên) của một hợp đồng ngoại hối chưa được thực hiện.

\*Mua hoặc thanh lý các tài sản, phát sinh hoặc thanh toán các khoản nợ xác định bằng ngoại tệ.

\*Dùng một loại tiền tệ này để mua, bán hoặc thay đổi lấy một loại tiền tệ khác.

+ Một giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ kế toán bằng việc áp dụng tỷ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ kế toán và

ngoại tệ tại ngày giao dịch.

+ Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch được coi là tỷ giá giao ngay. Doanh nghiệp có thể sử dụng tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

+ Các giao dịch làm tăng vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả được quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch để ghi sổ kế toán.

+ Các giao dịch làm giảm vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả được quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá ghi sổ kế toán. Tỷ giá ghi sổ được xác định theo một trong bốn phương pháp: thực tế đích danh, bình quân gia quyền, nhập trước-xuất trước, nhập sau-xuất trước.

+ Trường hợp mua, bán ngoại tệ bằng đơn vị tiền tệ kế toán (VNĐ) thì được hạch toán theo tỷ giá thực tế mua hoặc thực tế bán.

Cuối niên độ kế toán (ngày lập bảng cân đối kế toán) các khoản mục tiền tệ phải được báo cáo theo tỷ giá cuối kỳ, đó là tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm.

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ở các doanh nghiệp có vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì việc nhập, xuất được hạch toán như các loại hàng tồn kho, khi sử dụng để thanh toán chi trả được hạch toán như ngoại tệ.

#### ❖ Hạch toán tổng hợp :

#### 🚦 Chứng từ, sổ sách sử dụng

##### • Chứng từ sử dụng:

➤ Phiếu thu

➤ Phiếu chi

Ngoài ra còn có các chứng từ liên quan để kế toán xác định nội dung thu, chi như là:

➤ Hóa đơn GTGT của hàng hóa mua vào hoặc bán ra

➤ Giấy đề nghị tạm ứng

➤ Giấy thanh toán tiền tạm ứng

- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên lai thu tiền
- Bảng kiểm kê quỹ (Dùng cho ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý)
- Bảng kê chi tiền

• **Sổ sách sử dụng:**

- Nhật ký thu tiền (S03a1- DN)
- Nhật ký chi tiền (S03a2- DN)
- Sổ nhật ký chung (S03a-DN)
- Sổ quỹ tiền mặt (S07- DN)
- Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (S07a- DN)
- Sổ theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ (S33-DN)
- Sổ cái TK 111(dùng cho hình thức nhật ký chung)
- Sổ chi tiết tài khoản 1112.

✚ **Tài khoản, kết cấu và nội dung phản ánh của TK 1112- Tiền Ngoại Tệ**

• **Tài khoản sử dụng:**

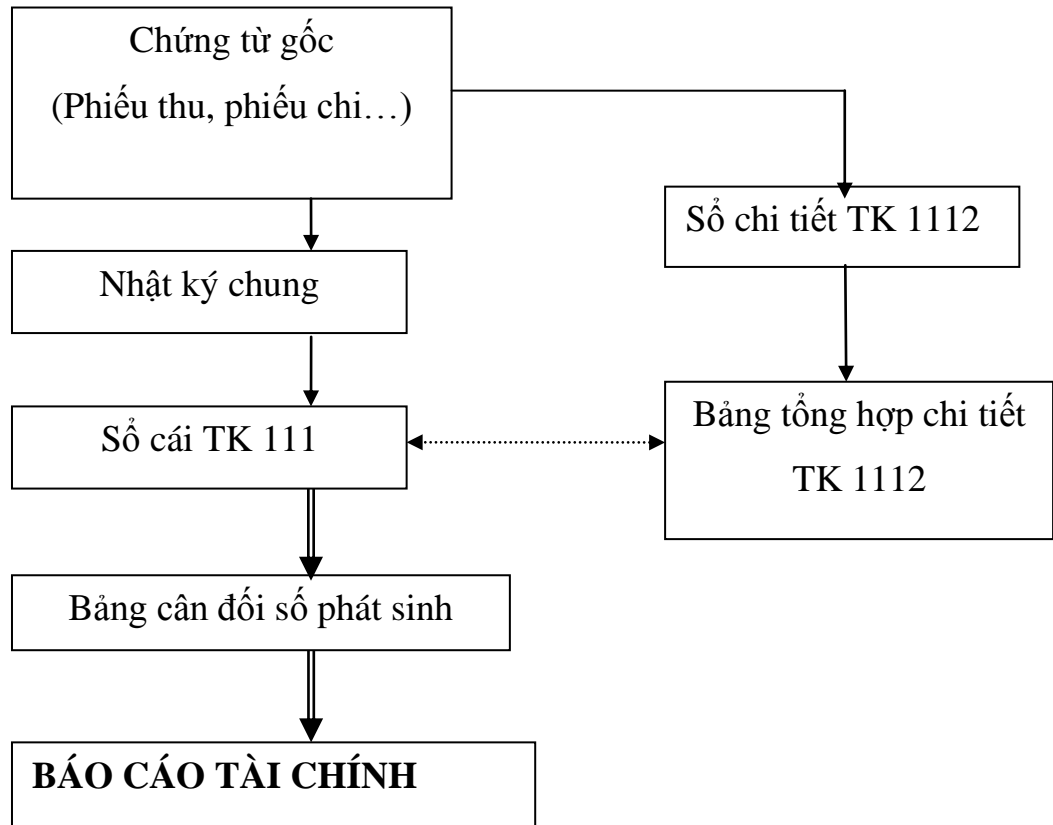
Tài khoản được sử dụng để hạch toán tiền mặt bằng ngoại tệ tại quỹ là TK 1112 - Tiền ngoại tệ: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

• **Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 1112-Tiền Ngoại Tệ**

Tài khoản 1112

|  |  |
|--|--|
| - Các khoản ngoại tệ nhập quỹ.                             | - Các khoản ngoại tệ xuất quỹ.                             |
| - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ. | - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ. |
| - Các khoản ngoại tệ còn tồn quỹ hiện có.                  |  |

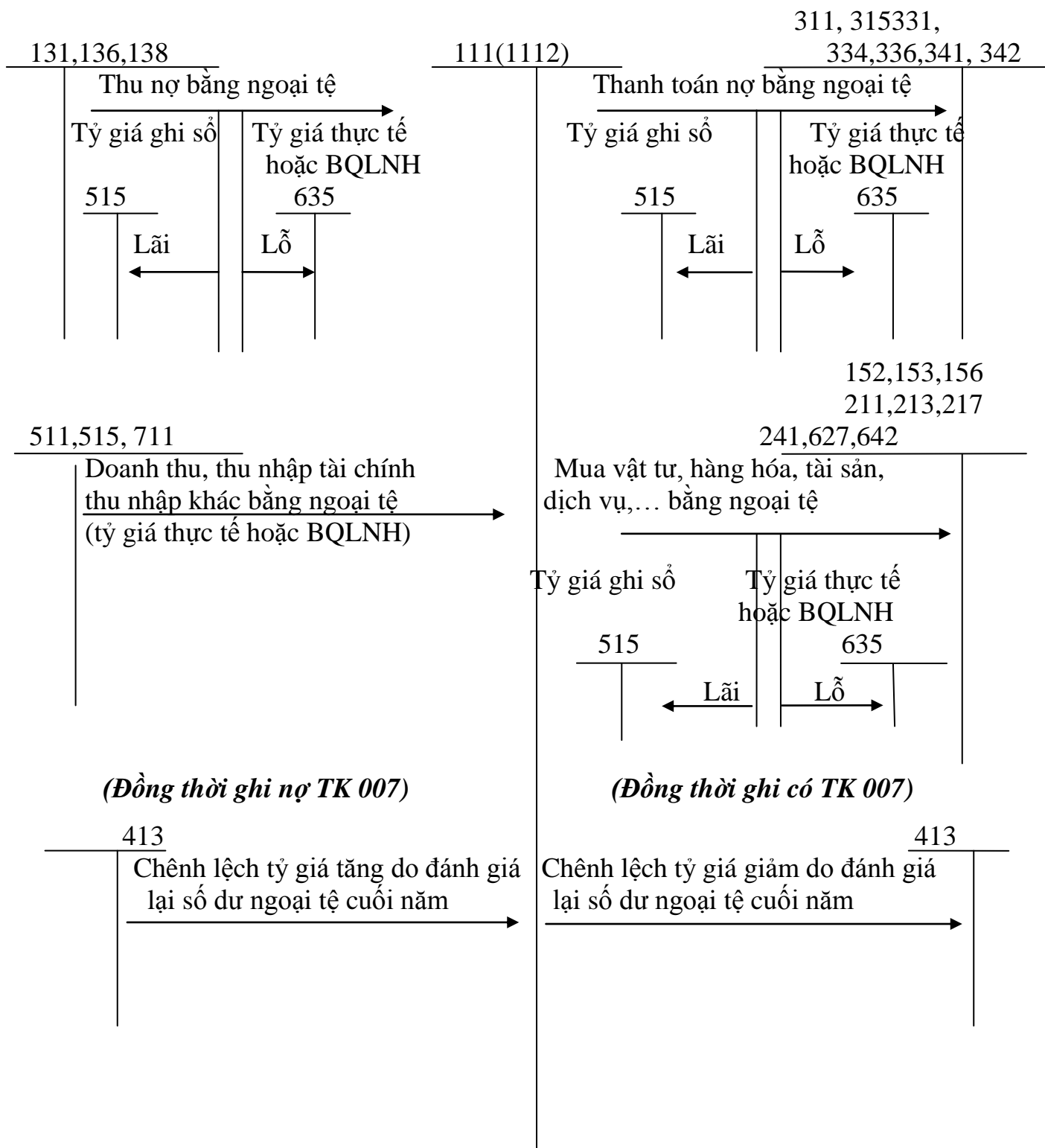
✚ **Trình tự ghi sổ kế toán tiền ngoại tệ:**



- Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

*Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.*

**Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về ngoại tệ tại quỹ**



### **1.3.2 Hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng:**

#### **a) Hạch toán kế toán tiền gửi bằng Đồng Việt Nam**

##### **❖ Hạch toán chi tiết**

Khi nhận được chứng từ gốc từ ngân hàng gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra đối chiếu với số liệu có chứng từ gốc đính kèm. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên chứng từ của ngân hàng với số liệu trên sổ kế toán tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp và các chứng từ gốc thì kế toán phải tiến hành thông báo cho ngân hàng biết để cùng kiểm tra đối chiếu số liệu. Nếu cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân thì kế toán phải ghi sổ theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo nợ, giấy báo có hay các bản sao kê. Sang tháng sau lại tiếp tục kiểm tra đối chiếu số liệu để xác định nguyên nhân.

Kế toán theo dõi tiền gửi ngân hàng phải mở các sổ kế toán chi tiết tiền Việt Nam để theo dõi tiền gửi ngân hàng ở các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản theo đơn vị Đồng Việt Nam.

##### **❖ Hạch toán tổng hợp:**

##### **✚ Chứng từ, sổ sách sử dụng:**

###### **○ Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Bảng sao kê
- Ngoài ra còn có các chứng từ liên quan để kế toán xác định nội dung làm tăng hoặc giảm TGNH như là:
  - Hóa đơn GTGT của hàng hóa mua vào hoặc bán ra
  - Ủy nhiệm thu
  - Ủy nhiệm chi....

###### **○ Sổ sách sử dụng:**

- Nhật ký thu tiền(S03a1-DN)
- Nhật ký chi tiền(S03a2-DN)
- Sổ tiền gửi ngân hàng
- Sổ chi tiết tài khoản 1121(chi tiết theo từng ngân hàng)

- Sổ cái tài khoản 112(theo hình thức nhật ký chung)

- + Tài khoản, kết cấu và nội dung phản ánh của TK 1121- Tiền Việt Nam**

- ***Tài khoản sử dụng:***

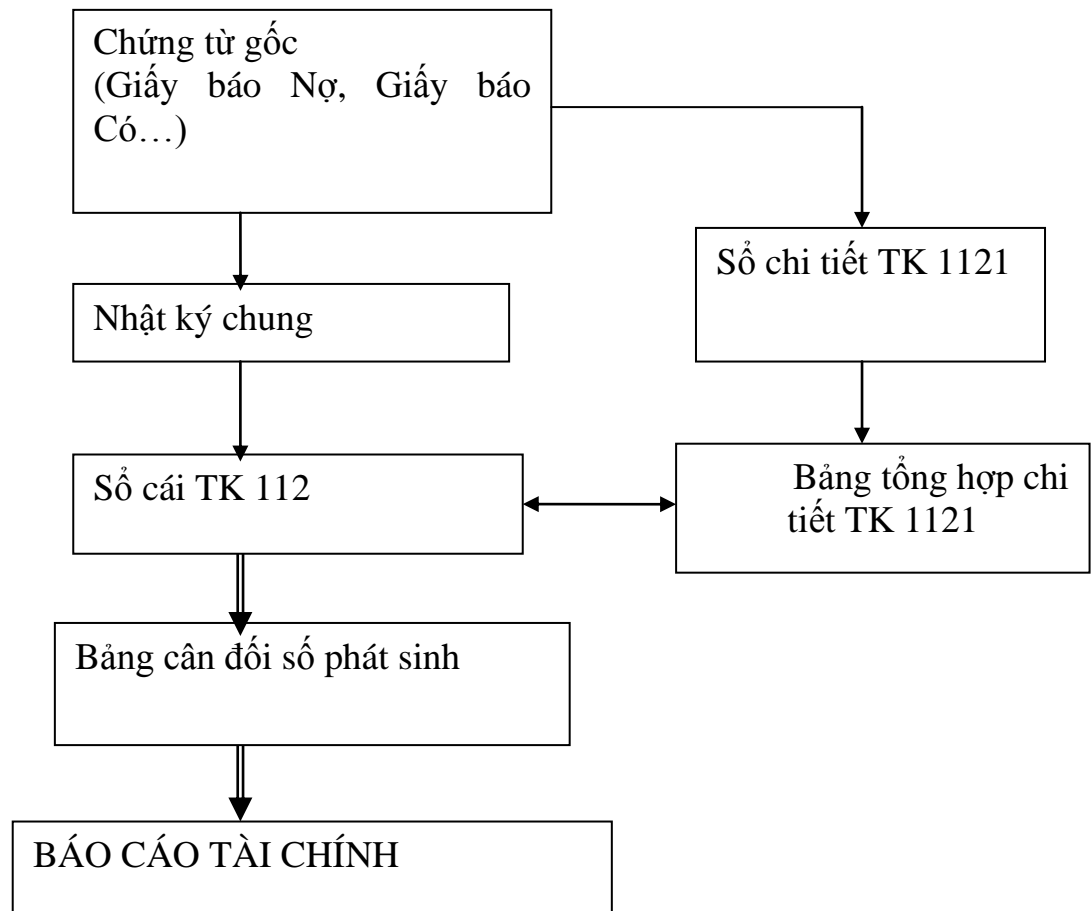
Tài khoản được sử dụng để hạch toán tiền Việt Nam đồng tại các ngân hàng của doanh nghiệp là TK 1121 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

- ***Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 1121 – Tiền Việt Nam***

TK 1121

|  |   |
|--|---|
| - Các khoản tiền Việt Nam gửi vào ngân hàng          | - Các khoản tiền Việt Nam rút ra từ ngân hàng |
| - Các khoản tiền Việt Nam hiện còn gửi tại ngân hàng |   |

**Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi Việt Nam Đồng**

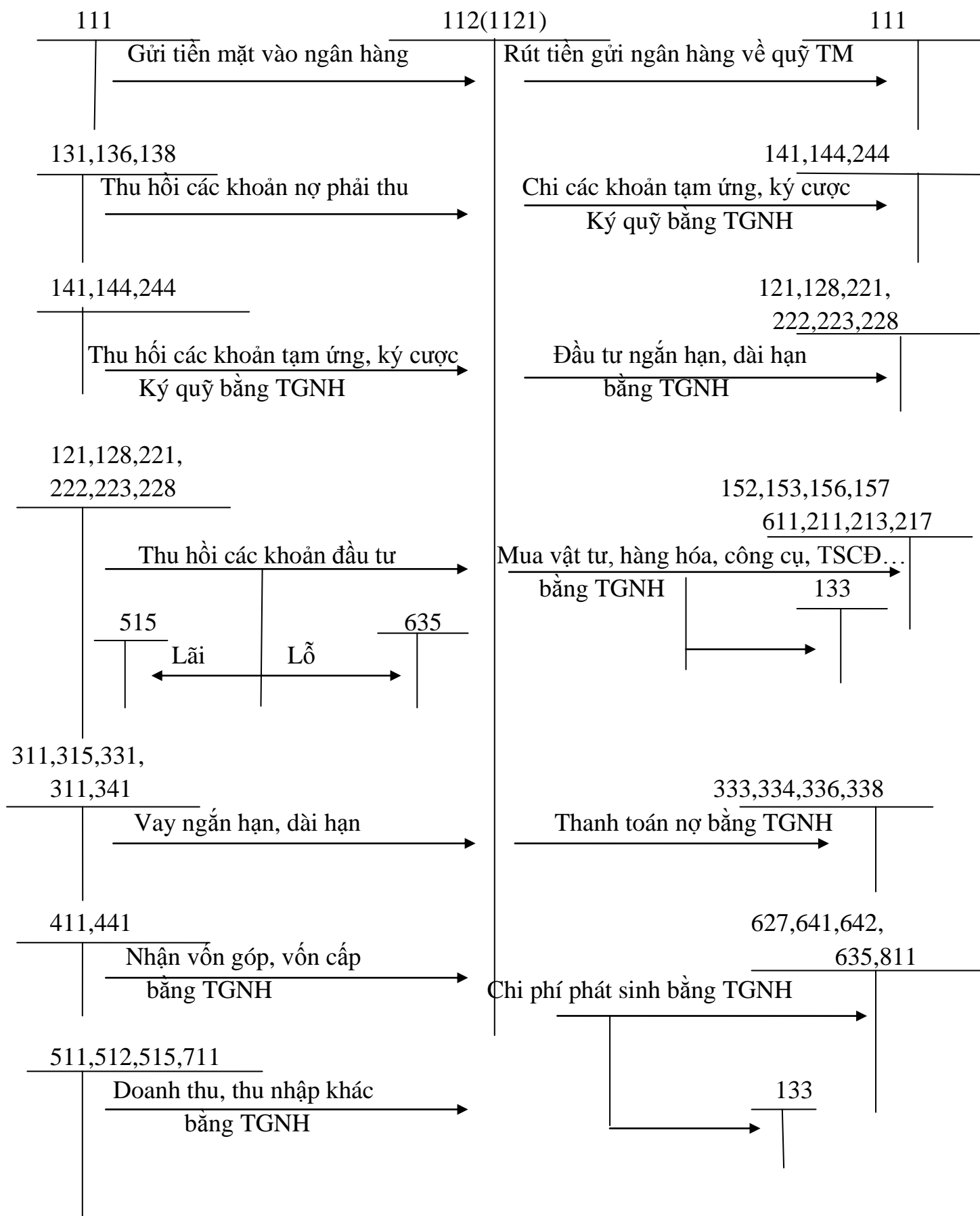


- Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

**Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi Việt Nam Đồng**



**Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền gửi Việt Nam Đồng**



**b) Hạch toán kế toán tiền gửi bằng ngoại tệ**

**❖ Hạch toán chi tiết**

- Trường hợp gửi tiền vào ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh (sau đây gọi tắt là tỷ giá giao dịch BQLNH). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

- Trường hợp rút tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền; Nhập trước, xuất trước; Nhập sau, xuất trước; Giá thực tế đích danh.

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh (kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp SXKD vừa có hoạt động đầu tư XDCB) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ TK635 “Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá)

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (TK4132). Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ. Ngoài ra, để theo dõi chi tiết các loại nguyên tệ kế toán mở sổ chi tiết TK007.

- Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch BQLNH do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) vào TK 4132 và của hoạt động SXKD vào TK 4131.

❖ **Hạch toán tổng hợp:**

✚ **Chứng từ và sổ sách sử dụng:**

○ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Bảng sao kê
- Ngoài ra còn có các chứng từ liên quan để kế toán xác định nội dung làm tăng hoặc giảm TGNH như là:
  - Hóa đơn GTGT của hàng hóa mua vào hoặc bán ra
  - Ủy nhiệm thu
  - Ủy nhiệm chi....

○ **Sổ sách sử dụng:**

- Nhật ký thu tiền (S03a1-DN)
- Nhật ký chi tiền (S03a2-DN)
- Sổ tiền gửi ngân hàng
- Sổ chi tiết tài khoản 1122 (chi tiết theo từng ngân hàng)
- Sổ cái tài khoản 112 (theo hình thức nhật ký chung)

✚ **Tài khoản, kết cấu và nội dung phản ánh của TK 1112- Tiền Ngoại Tệ**

○ **Tài khoản sử dụng:**

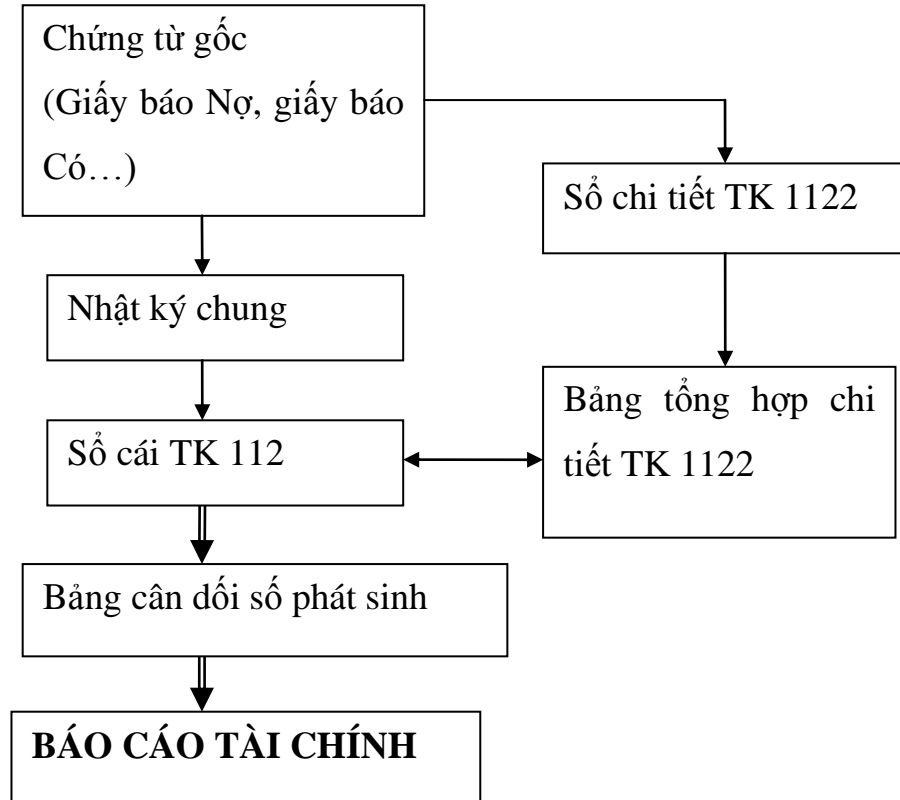
Tài khoản được sử dụng để hạch toán tiền Việt Nam đồng tại các ngân hàng của doanh nghiệp là TK 1122 – Tiền ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ.

○ **Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 1122- Tiền ngoại tệ**

TK 1122

|  |  |
|--|--|
| - Các khoản ngoại tệ gửi vào ngân hàng.  | - Các khoản ngoại tệ rút ra từ ngân hàng.  |
| - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ. | - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ. |
| - Các khoản ngoại tệ hiện còn gửi tại ngân hàng.                                   |  |

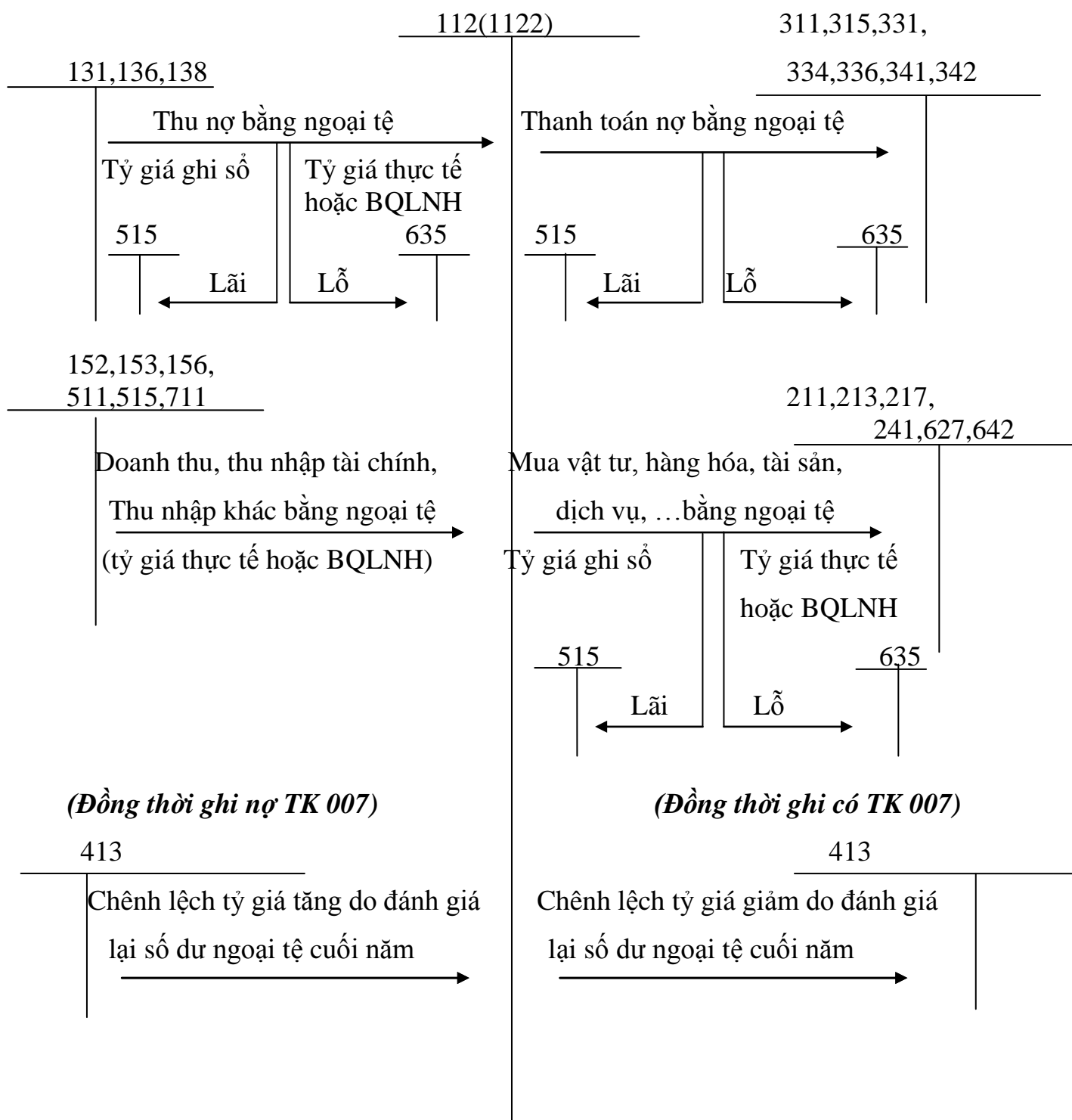
✚ **Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi bằng ngoại tệ**



- Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

*Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ tiền gửi bằng ngoại tệ*

**✚ Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về ngoại tệ ngân hàng**



### **1.3.3 Hạch toán kế toán tiền đang chuyển**

#### **a) Khái niệm tiền đang chuyển:**

Tiền đang chuyển là khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng, hay trả cho đơn vị khác đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bảng sao kê của ngân hàng.

#### **b) Hạch toán chi tiết Tiền Đang Chuyển**

Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng;
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác;
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào Kho bạc Nhà nước (Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua ngân hàng nhưng chưa nhận được Giấy báo Nợ hoặc báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.

- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.

- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với ngân hàng.

#### **c) Hạch toán tổng hợp Tiền Đang Chuyển**

##### **✚ Chứng từ và sổ sách sử dụng:**

##### **○ Chứng từ sử dụng:**

- Giấy nộp tiền
- Séc bảo chi
- Biên lai thu tiền

- Phiếu chuyển tiền
- Một số chứng từ có liên quan
- **Sổ sách sử dụng:**
  - Sổ cái TK 113

**✚ Tài khoản, kết cấu và nội dung phản ánh của TK 113**

○ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản được sử dụng để hạch toán tiền đang chuyển là TK 1131 – Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.

○ **Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 113**

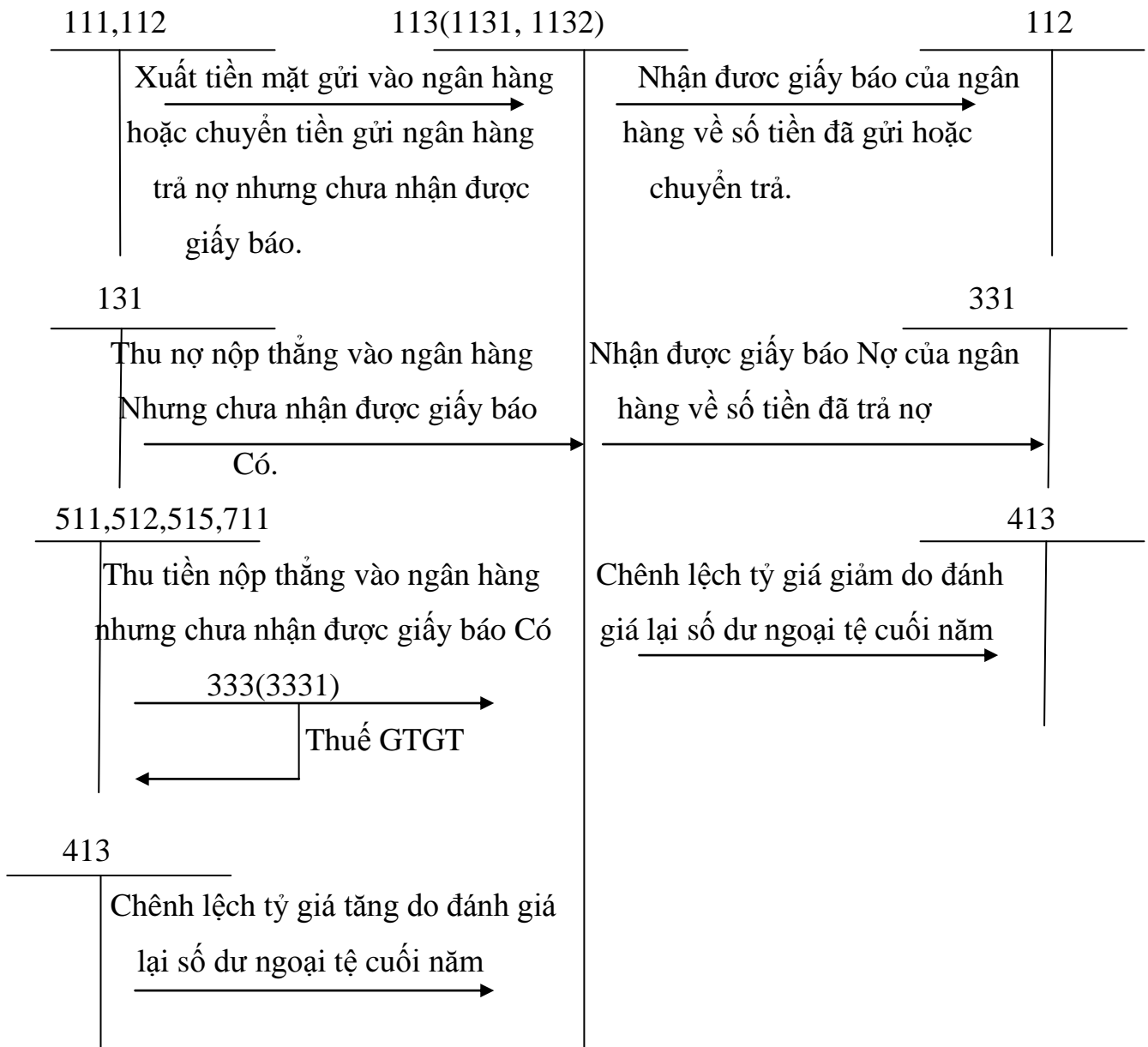
TK 113

|   |  |
|---|--|
| <p>- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, hay trả cho đơn vị khác đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bảng sao kê của ngân hàng</p> | <p>- Số kết chuyển vào TK 112 – Tiền gửi ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;</p> <p>- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ;</p> |
| <p>Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.</p>  |  |

○ **Tài khoản 113- Tiền Đang Chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:**

- Tài khoản 1131- Tiền Việt Nam: Phản ánh số Tiền Việt Nam đang chuyển.
- Tài khoản 1132- Ngoại tệ: Phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

**Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu về tiền đang chuyển**



Trong thực tế doanh nghiệp cũng ngại không sử dụng tài khoản tiền đang chuyển vì không quen theo dõi nên rất dễ bỏ sót tài khoản này.



## CHƯƠNG II:

### TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH DAE HYUN VINA

#### 2.1. Tổng quan về công ty TNHH Dae Hyun Vina

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

###### 2.1.1.1. Quá trình hình thành

Công ty TNHH Dae Hyun Vina là doanh nghiệp với 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập theo giấy phép đầu tư số 86/GP-HP ngày 28/04/2005 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Tên công ty:

- Tên công ty viết tắt bằng tiếng việt: công ty TNHH DAE HYUN VINA
- Tên công ty viết tắt bằng tiếng nước ngoài: DAE HYUN VINA CO.LTD.
- Tên công ty viết tắt: DAE HYUN VINA

Công ty có:

- Vốn pháp định: 100.000,00 USD.
- Vốn đầu tư: 130.000,00 USD.
- Thời gian hoạt động của công ty là 20 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư (28/04/2005).

Chức năng, nhiệm vụ:

Hoạt động chính của công ty là: sản xuất nhãn mác, bao bì phục vụ ngành dệt may.

Ngoài ra, công ty còn thực hiện:

- In hàng các loại.
- Nhận hàng và thiết kế.
- Tư vấn in hàng.
- Làm theo mẫu đơn đặt hàng của đối tác.

Trụ sở chính : Nhà số 4 nằm trong khuôn viên của Chi nhánh Công ty Cổ Phần May Hồ Gươm tại Km 83, Quốc lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.594093

Fax: 031.717112

Mã số thuế (MST): 0200634701

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển đi lên của đất nước nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng. Công ty TNHH Dae Hyun Vina đã không ngừng lớn mạnh, mở rộng và phát triển thị trường sản xuất. Công ty mạnh dạn đầu tư nhiều máy móc, thiết bị hiện đại có đủ khả năng đáp ứng, phục vụ sản xuất mang lại những sản phẩm có chất lượng cao phục vụ ngành dệt may cả trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH Dae Hyun Vina đã chú trọng, tăng cường quản lý lao động, vật tư, tiền vốn, quản lý về chất lượng sản phẩm, cải tiến quy trình sản xuất. Tìm các biện pháp phấn đấu hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu của công ty trên thị trường.

#### 2.1.1.2. Quá trình phát triển

Công ty bắt đầu đi vào sản xuất kinh doanh ngày 28 tháng 04 năm 2005.

Đánh giá thực trạng tài chính của công ty qua 2 năm 2010 và 2011:

| Chỉ tiêu                             | Năm 2010       | Năm 2011       |
|--------------------------------------|----------------|----------------|
| Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.     | 1.585.595.008  | 1.585.595.008  |
| Tổng tài sản                         | 4.413.217.803  | 5.073.552.592  |
| Tổng doanh thu                       | 11.871.705.886 | 12.253.196.905 |
| Tổng lợi nhuận sau thuế              | 3.662.062.694  | 3.849.179.782  |
| Phải trả người lao động              | 176.363.477    | 260.275.309    |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước. | 9.580.002      | 43.706.441     |

Qua bảng tổng hợp các chỉ tiêu trên ta có thể đưa ra 1 số nhận xét sau:

- Tổng doanh thu năm 2011 tăng 381.491.020 đồng (3, 21%) so với năm 2010.

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng 187.117.080 đồng (5, 11%) so với năm 2010.

Ta thấy tổng tài sản, tổng doanh thu, tổng lợi nhuận sau thuế tăng qua các năm 2010, 2011. Với số vốn đầu tư ban đầu là 1.585.595.008 đồng, công ty đã

dần nâng được doanh thu năm 2011 tăng 381.491.020 đồng so với năm 2010. Đi liền với sự tăng lên nhanh chóng của doanh thu hàng năm thì lợi nhuận của công ty cũng không ngừng tăng lên qua các năm, khẳng định sự phát triển ngày càng lớn mạnh của công ty. Bên cạnh đó công ty luôn chấp hành việc nộp đầy đủ, đúng hạn các loại thuế vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, cán bộ nhân viên trong công ty cũng được trả lương đầy đủ đúng kỳ, được tăng lương theo mức giá chung của thị trường, được đóng bảo hiểm và nhiều ưu đãi khác. Công ty tổ chức thưởng hàng quý đối với cá nhân phòng ban, điều đó cũng góp phần tích cực thúc đẩy tinh thần trách nhiệm làm việc của cán bộ nhân viên trong công ty.

*2.1.1.3. Những mặt thuận lợi và khó khăn chung của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.*

**❖ Những thuận lợi:**

- Trụ sở của công ty nằm ngay trong cụm phát triển công nghiệp, có rất nhiều thuận lợi trong việc giao dịch kinh doanh, trao đổi về thông tin kinh tế thị trường.

- Thị trường lao động của Việt Nam rất dồi dào và ngày càng nhiều lao động được qua đào tạo nên công ty có rất nhiều thuận lợi trong việc tìm nhân công.

- Do xu hướng kinh tế Việt Nam đang phát triển, nhu cầu sản phẩm, mẫu mã để thu hút khách hàng ngày càng quan trọng.

- Công ty cũng được hưởng những chính sách ưu đãi của nhà nước Việt Nam như:

+ Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

+ Được miễn thuế nhập khẩu, đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định.

- Giám đốc công ty có năng lực điều hành, quản lý tốt, có những phương pháp, đường lối chiến lược phát triển công ty hiệu quả.

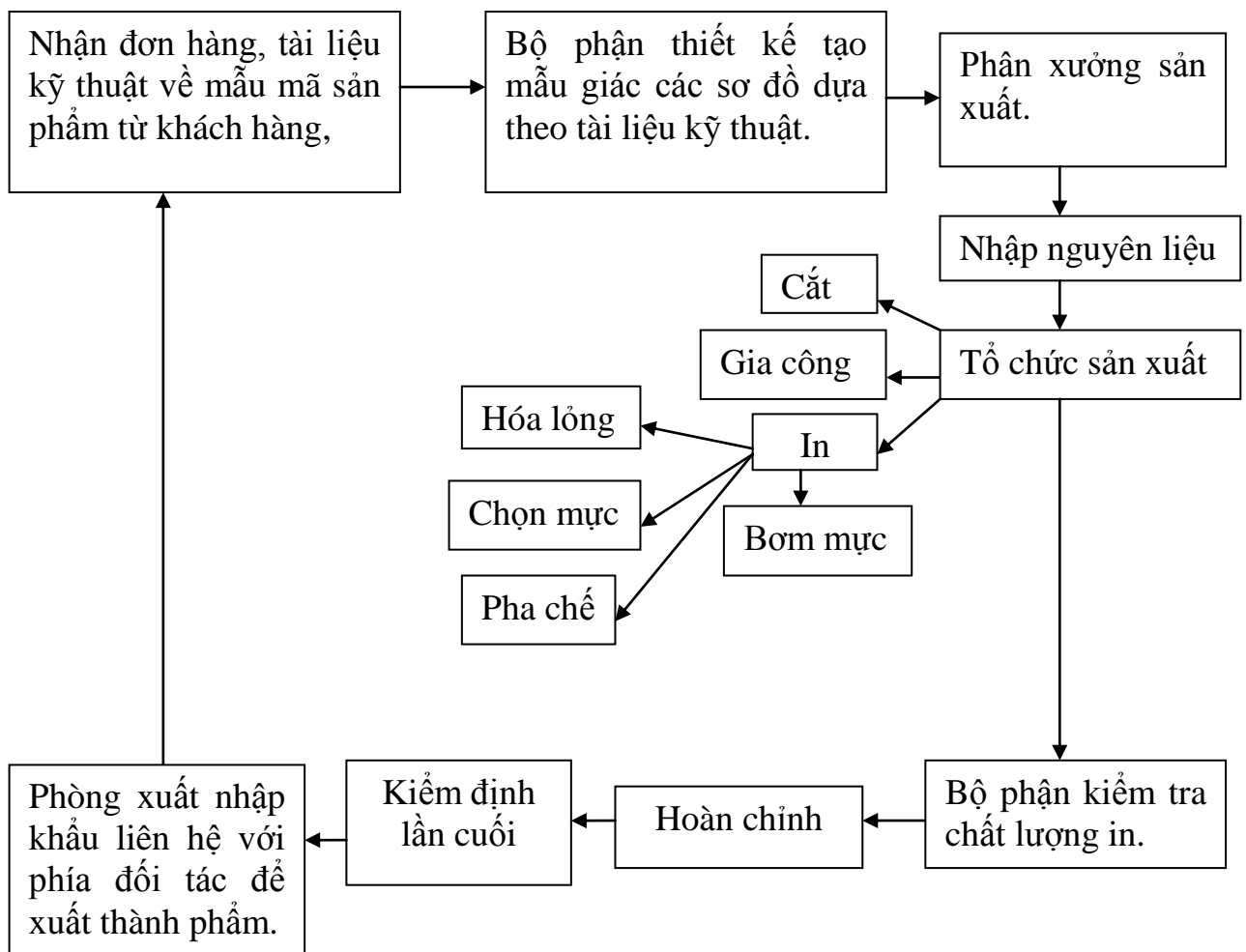
- Đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn, và một đội ngũ công nhân lành nghề không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ.

- Qua thời gian hoạt động lâu dài công ty đã có những khách hàng, đối tác quen thuộc, hơn nữa công ty luôn giữ vững uy tín trên thị trường, trong việc sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, đúng thời gian giao hàng. Vì vậy công ty luôn có thêm những khách hàng mới và uy tín luôn được nâng cao.

❖ **Những khó khăn:**

- Công ty có nhiều đối thủ cạnh tranh cả trong và ngoài nước.
- Đối với sản phẩm xuất sang thị trường nước ngoài, đây là thị trường rất khó tính, đòi hỏi yêu cầu cao về chất lượng và phải qua quy trình kiểm tra nghiêm ngặt.
- Quy mô sản xuất nhỏ, chi phí của các dịch vụ có giá cao, năng lực tài chính còn chưa đủ mạnh.
- Hệ thống pháp luật, chính sách, chế độ quản lý còn nhiều bất cập, đặc biệt các cơ quan quản lý còn chưa quan tâm đúng mức việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn để doanh nghiệp có thể yên tâm sản xuất kinh doanh.

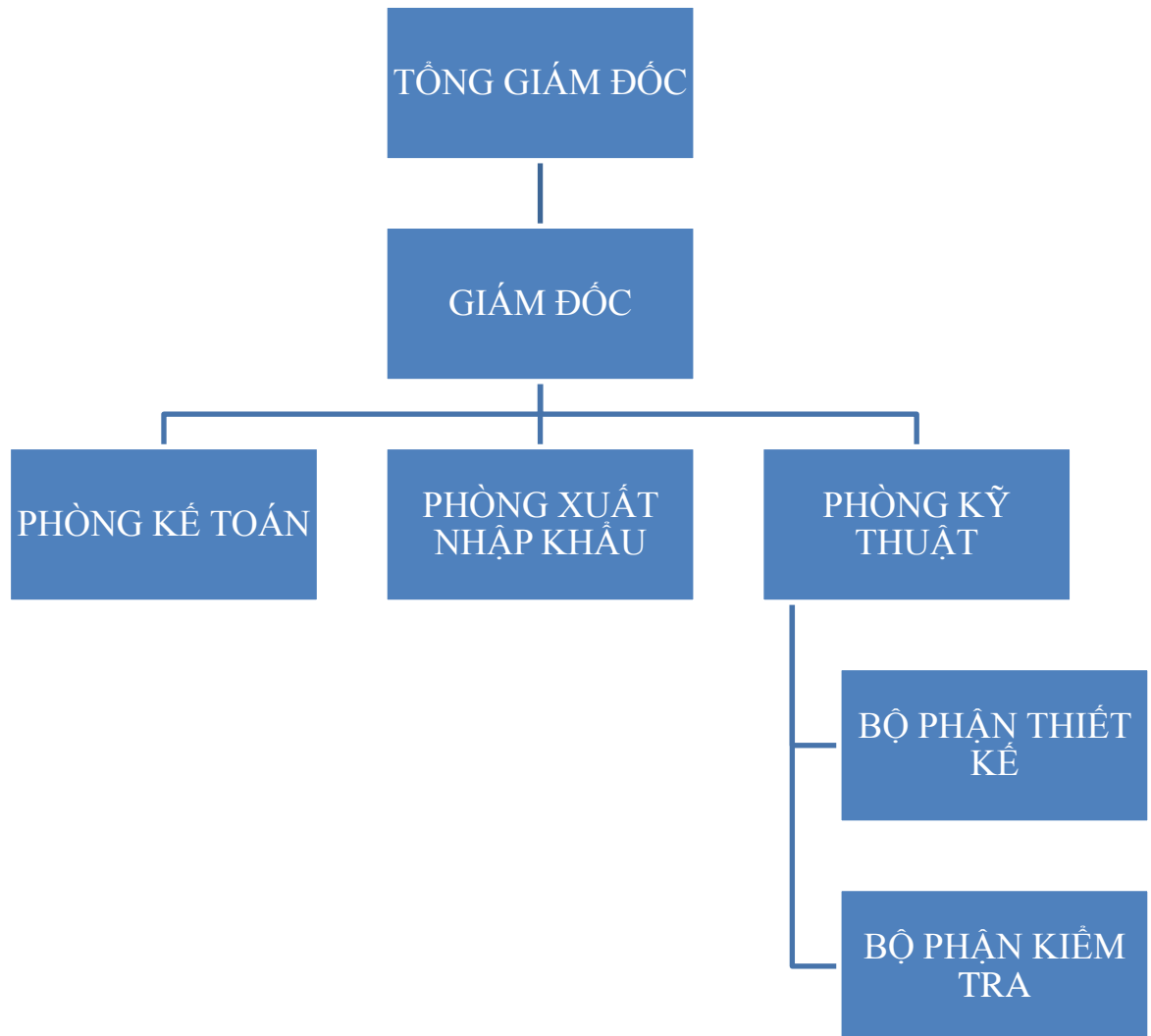
**2.1.2 Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh**



### 2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh

#### 2.1.3.1. Mô hình tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận

❖ Sơ đồ 2.1: Cơ cấu bộ máy quản lý công ty:



Bộ máy tổ chức được sắp xếp hợp lý đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

**(1) Ban giám đốc: bao gồm 01 tổng giám đốc và 01 giám đốc:**

**Tổng giám đốc công ty là:** ông Beak Bong Dae có nhiệm vụ hình thành bộ máy tổ chức miễn nhiệm nhân sự chủ chốt của công ty. Lập kế hoạch kinh doanh, chỉ đạo quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh. Lập quyết toán tài chính hàng năm, đại diện cho công ty trước cơ quan nhà nước và cơ quan pháp luật. Thay mặt công ty kí kết các hợp đồng thỏa thuận kinh tế có

liên quan đến kinh doanh, điều hành và xử lý mọi vấn đề tài chính của công ty.

**Giám đốc:** dưới sự phân công của tổng giám đốc, giúp tổng giám đốc quản lý giám sát thi hành các kế hoạch về phần việc được phân công.

**(2) Các phòng ban:**

**Phòng kế toán:** Giúp cho giám đốc công ty trong việc quản lý tài chính, xây dựng các kế hoạch tài chính. Phòng tài chính kế toán có nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán tài chính theo đúng chế độ kế toán tài chính của nhà nước. Giám sát đầy đủ kịp thời và xác định chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, hoàn thành việc quyết toán sổ sách và báo cáo tài chính, lưu trữ và bảo mật hồ sơ, chứng từ... quản lý chặt chẽ các quỹ của công ty, theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình tài chính cho giám đốc.

**Phòng xuất nhập khẩu:** Làm hồ sơ xin giấy phép nhập khẩu nguyên phụ liệu, các giấy tờ liên quan đến nhập khẩu nguyên phụ liệu từ nước ngoài để đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất. Ngoài ra, thực hiện thủ tục kê khai và làm thủ tục hải quan, sau đó thực hiện việc buôn bán trao đổi với doanh nghiệp trong và ngoài nước.

**Phòng kỹ thuật:** Đảm nhận vai trò và chịu trách nhiệm về kỹ thuật của các sản phẩm hàng hóa. Nghiên cứu từng bước hoàn thiện nâng cao chất lượng sản phẩm.

+ **Bộ phận thiết kế:** Tạo mẫu, thiết kế chính xác theo đúng tài liệu kỹ thuật mà đối tác yêu cầu. Hoàn thiện sản phẩm để đưa cho bộ phận sản xuất, kịp thời tư vấn mẫu thiết kế cũng như khắc phục lỗi trong quá trình thiết kế.

+ **Bộ phận kiểm tra:** Kiểm định chất lượng sản phẩm, thông báo những sản phẩm kém chất lượng trước khi giao hàng cho bên đối tác kiểm tra lần cuối.

**2.1.4. Công tác kế toán**

**2.1.4.1. Loại hình tổ chức**

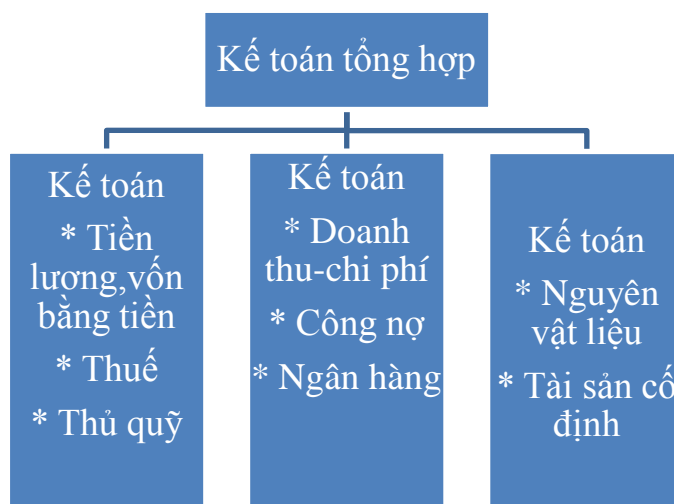
Tổ chức công tác kế toán bao gồm việc xây dựng các quy trình hạch toán, là trung tâm thu thập xử lý thông tin tài chính về hiệu quả kinh doanh cũng như hiệu quả sử dụng vốn của công ty. Đây là cơ cấu giúp cho ban lãnh đạo giải quyết kịp thời đúng đắn các vấn đề trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty TNHH Dae Hyun Vina tổ chức bộ máy kế toán theo loại hình tập trung, công ty chỉ có một phòng kế toán duy nhất, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi về phòng kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi sổ kế toán. Vì vậy, nên cơ cấu tổ chức rất gọn gàng, dễ kiểm tra, theo dõi.

Phòng kế toán là bộ máy kế toán duy nhất của công ty có nhiệm vụ hạch toán tổng hợp, hạch toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và thực hiện các báo cáo tài chính theo Pháp lệnh kế toán, Luật kế toán và quy chế quản lý tài chính của công ty TNHH Dae Hyun Vina.

#### 2.1.4.2. Mô hình bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

##### ❖ Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty:



Phòng kế toán được phân công làm việc như sau:

**Kế toán tổng hợp:** Là người phụ trách chung có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát mọi việc trên sổ sách kế toán. Tổng hợp mọi số liệu chứng từ mà kế toán viên giao cho. Kiểm tra việc ghi chép luân chuyển chứng từ. Có trách nhiệm phụ trách chung mọi hoạt động của phòng kế toán. Tham mưu kịp thời với giám đốc tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty cho giám đốc. ngoài ra còn có nhiệm vụ:

- + Lập báo cáo quyết toán quý, năm theo đúng chế độ quy định.
- + Lập báo cáo tháng, quý, năm theo yêu cầu của cấp trên.
- + Ký toàn bộ các chứng từ giao dịch với ngân hàng, các chứng từ thu chi của toàn công ty.

- + Thực hiện các công tác đột xuất do giám đốc giao.

**Kế toán tiền lương, vốn bằng tiền:** Hàng tháng thanh toán tiền lương cho các cán bộ công nhân viên trong công ty, thanh toán BHXH cho cán bộ công nhân viên và theo dõi các khoản khấu trừ qua lương.

- + Quyết toán BHXH theo chế độ quy định.
- + Theo dõi trích các khoản tạm ứng cho CBCNV.
- +Viết phiếu thu, phiếu chi hàng tháng.
- + Thu, chi tiền mặt theo phiếu thu, phiếu chi.
- + Mở sổ theo dõi thu chi tiền mặt.
- + Lập báo cáo thu chi tiền mặt và các chứng từ có giá trị như tiền.

**Kế toán thuế:** Hàng tháng kê khai thuế GTGT đầu ra, đầu vào, theo dõi tình hình nộp ngân sách nhà nước, lập kế hoạch và quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN.

**Thủ quỹ:**

- + Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt và các chứng từ có liên quan.
- + Phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt, hàng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo tồn quỹ thực tế tiền mặt cũng bằng số dư trên sổ sách.
- + Định kỳ phối hợp với các bộ phận chức năng kiểm kê số tiền thực tồn quỹ.

**Kế toán doanh thu- chi phí:** Phản ánh việc nhập xuất nguyên vật liệu, tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ, tính toán phân bổ các chi phí hợp lý phục vụ cho tính giá thành sản phẩm. Theo dõi phản ánh chính xác kịp thời tình hình tiêu thụ, thực hiện đúng đủ các nghiệp vụ kế toán về tiêu thụ sản phẩm, lập báo cáo tiêu thụ, báo cáo kết quả kinh doanh.

**Kế toán công nợ:**

- + Theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng, việc trả nợ tiền hàng cho đối tác.
- + Lập kế hoạch thu chi cho công ty việc trả lãi, nhận lãi từ cho vay...
- + Lên báo giá, hóa đơn thanh toán cho khách hàng.

**Kế toán ngân hàng:**



- + Theo dõi các giao dịch của công ty qua ngân hàng, thu thập chứng từ ngân hàng liên quan đến giao dịch.
- + Theo dõi các khoản vay ngân hàng, cho ngân hàng vay, việc trả lãi, nhận lãi từ ngân hàng hàng tháng.
- + Lập sổ tiền gửi ngân hàng.
- + So sánh phát hiện chênh lệch giữa sổ kế toán với số liệu ngân hàng để điều chỉnh kịp thời.

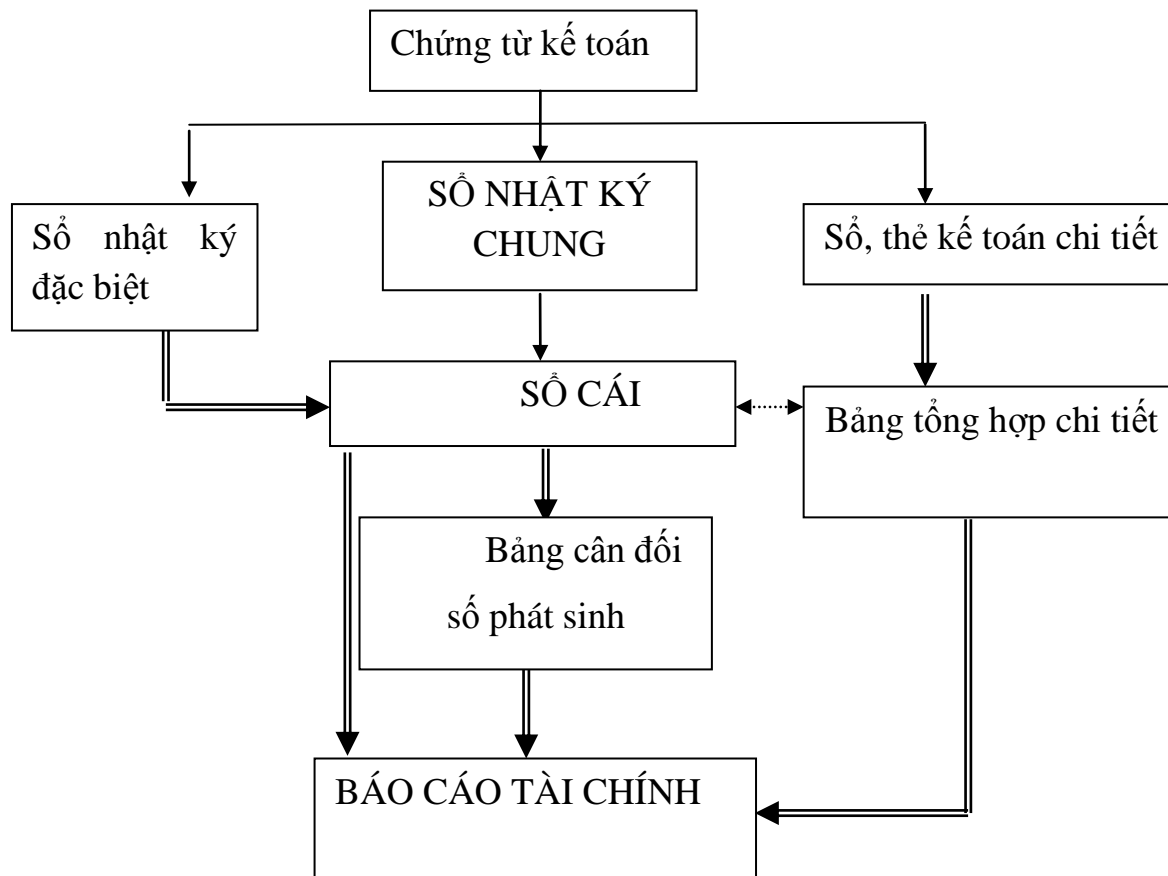
**Kế toán nguyên vật liệu, tài sản cố định:**

- + Ghi chép phản ánh tình hình nhập xuất vật liệu, xác định số lượng và giá trị vật liệu đem sử dụng sản xuất.
- + Kiểm tra việc chấp hành bảo quản việc nhập xuất nguyên vật liệu, phát hiện kịp thời những vật liệu kém chất lượng, thừa (thiếu) báo cáo lên cấp trên để có biện pháp xử lý kịp thời.
- + Ghi chép, theo dõi số lượng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng (giảm) TSCĐ, trích và phân bổ khấu hao theo chế độ quy định.
- + Tham gia kiểm kê vật liệu, tài sản theo quy định.

*2.1.4.3. Hình thức sổ sách và trình tự ghi sổ kế toán*

Doanh nghiệp thực hiện các quy định về sổ kế toán trong luật kế toán, nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2005 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật kế toán trong lĩnh vực kinh doanh, các văn bản hướng dẫn thi hành luật kế toán và chế độ kế toán công ty áp dụng hình thức kế toán: **Nhật ký chung**.

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung.**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

**\*Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung:**

Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

**\*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung:**

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên

quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10 ... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ nhật ký chung cùng kỳ.

#### 2.1.4.4. Chính sách tài chính khác:

- Quy định đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Việt Nam Đồng.
- Xác định niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Xác định phương pháp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kiểm kê định kỳ.
- Phương pháp khấu hao áp dụng: phương pháp đường thẳng.

Hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

#### 2.1.4.5. Vấn đề vận dụng tin học

Công ty đã vận dụng nhiều phần mềm tin học mới vào công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng, cụ thể:

- Trong công tác quản lý công ty sử dụng các phần mềm tin học như: Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft Powerpoint...

- Trong công tác kế toán nói riêng công ty sử dụng bảng tính điện tử Microsoft Excel. Nhờ có sự hỗ trợ của tin học mà khối lượng công việc của kế

toán đã giảm đi rất nhiều, con số kế toán mang độ tin cậy cao.

## 2.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina

### 2.2.1. Kế toán tiền mặt

Các nguồn thu chủ yếu:

- Thu tiền do rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ.
- Thu tiền từ bán USD cho ngân hàng.
- Doanh thu in hàng cho các công ty.
- Và các khoản thu khác....

Các nguồn chi chủ yếu:

- Thanh toán tiền mực in.
- Thanh toán tiền mua thẻ treo.
- Thanh toán chuyển phát nhanh.
- Thanh toán tiền thuê xưởng.
- Và các khoản chi khác....

#### 2.2.1.1. Hạch toán chi tiết tiền mặt

##### *\*Kế toán nghiệp vụ thu tiền mặt tại quỹ*

Chứng từ gốc → phiếu thu → thu tiền → sổ NKC → Sổ Cái TK111  
Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt

**VD1:** Ngày 25/01/2011 In hàng cho công ty cổ phần may Hồ Gươm theo hóa đơn GTGT số 0093656. Tổng số tiền là 1.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT bán hàng dưới đây (Biểu số 01), kế toán lập phiếu thu (Biểu số 02)

**VD2:** Ngày 30/01/2011 In tem các loại cho công ty may quốc tế Woojin Việt Nam theo hóa đơn GTGT số 0093661. Tổng số tiền là 22.135.300 đồng, thuế suất 10%.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT bán hàng dưới đây (Biểu số 03), kế toán lập phiếu thu (Biểu số 04).

- Từ hóa đơn GTGT và phiếu thu, kế toán tập hợp số liệu ghi vào sổ nhật

ký chung (Biểu số 09) và sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (Biểu số 10).

- Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái tài khoản 111 (Biểu số 11).
- Từ sổ cái kế toán vào bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối năm, tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính mà cụ thể là Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính.

- Trình tự hạch toán như sau:

- Biểu số 01;03: Hóa đơn GTGT (Liên3)
- Biểu số 02;04: Phiếu thu
- Biểu số 09 : Sổ nhật ký chung
- Biểu số 10 : Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
- Biểu số 11: Sổ cái TK 111

**Biểu số 01:**

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT-3LL

RG/2011B

Liên 3: Nội bộ

0093656

Ngày 25 tháng 01 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dae Hyun Vina .....

Địa chỉ: Km83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.....

Số tài khoản: .....

Điện thoại: .....MS. 

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 6 | 3 | 4 | 7 | 0 | 1 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần may Hồ Gươm.

Địa chỉ: Km 83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM MS: 

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 8 | 1 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| STT  | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị<br>tính                   | Số<br>lượng | Đơn giá  | Thành tiền |
|--|-----------------------|----------------------------------|-------------|--|------------|
| A  | B                     | C                                | 1           | 2  | 3=1x2      |
| 01   | In hàng mẫu các loại  | Chiếc                            | 25          | 36.364   | 909.091    |
| Cộng tiền hàng:<br>909.091                         |                       |                                  |             |  |            |
| Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:<br>90.909      |                       |                                  |             |  |            |
| Tổng cộng thanh toán:<br><b>1.000.000</b>          |                       |                                  |             |  |            |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu đồng chẵn.</i> |                       |                                  |             |  |            |
| Người mua hàng<br><i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>       |                       | Người bán hàng<br><i>(Đã ký)</i> |             | Thủ trưởng đơn vị<br><i>(Đã ký tên, đóng dấu)</i><br><br><b>Giám đốc</b><br><b>BAEK BONG DAE</b> |            |

**Biểu số 02:**

Đơn vị: Công ty TNHH Dae Hyun Vina  
An Hưng- An Dương- Hải Phòng

Quyển Số: 01

Số: 09

Nợ 111:1.000.000

Có 511: 909.091

Có 3331: 90.909

Mẫu số: 01-TT

QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC, Ngày

20 tháng 03 năm 2006

của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

**PHIẾU THU**

*Ngày 25 tháng 01 năm 2011*

Họ tên người nộp tiền: Trương thị Hồng.

Địa chỉ (bộ phận): Km 83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.

Lý do nộp: Thu tiền in hàng của công ty may Hồ Gươm.

Số tiền: 1.000.000..... (Viết bằng chữ) Một triệu đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) Một triệu đồng chẵn.

*Ngày 25 tháng 01 năm 2011*

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 03:**

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT-3LL

RG/2011B

Liên 3: Nội bộ

0093661

Ngày 30 tháng 01 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dae Hyun Vina .....

Địa chỉ: Km83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng .....

Số tài khoản: .....

Điện thoại: .....MS..... 

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 6 | 3 | 4 | 7 | 0 | 1 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty may quốc tế Woojin Việt Nam.

Địa chỉ: Km 83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM MS: 

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 6 | 0 | 2 | 9 | 6 | 7 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| STT  | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính                      | Số lượng | Đơn giá  | Thành tiền                          |
|--|-----------------------|----------------------------------|----------|--|-------------------------------------|
| A  | B                     | C                                | 1        | 2  | 3=1x2                               |
| 01   | Tem in các loại       | Chiếc                            | 355      | 56.685   | 20.123.000                          |
|  |                       |                                  |          |  | Cộng tiền hàng:                     |
|  |                       |                                  |          |  | 20.123.000                          |
|  |                       |                                  |          |  | Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: |
|  |                       |                                  |          |  | 2.012.300                           |
|  |                       |                                  |          |  | Tổng cộng thanh toán:               |
|  |                       |                                  |          |  | <b>22.135.300</b>                   |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu một trăm ba mươi năm nghìn ba trăm đồng. |                       |                                  |          |  |                                     |
| <b>Người mua hàng</b><br>(ký, ghi rõ họ tên)                                       |                       | <b>Người bán hàng</b><br>(Đã ký) |          | <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br>(Đã ký tên, đóng dấu)<br><br><b>Giám đốc</b><br><b>BAEK BONG DAE</b> |                                     |



**Biểu số 04:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Dae Hyun Vina**  
**An Hưng- An Dương- Hải Phòng**

**Quyển Số: 01**

**Số: 18**

Nợ 111:22.135.300

Có 511: 20.123.000

Có 3331: 2.012.300

**Mẫu số: 01-TT**

*QĐ số:15/2006/QĐ-BTC, Ngày*

*20 tháng 03 năm 2006*

*của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính*

**PHIẾU THU**

***Ngày 30 tháng 01 năm 2011***

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn thị Huệ.

Địa chỉ (bộ phận): Km 83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.

Lý do nộp: Thu tiền in hàng của công ty may quốc tế Woojin Việt Nam.

Số tiền: 22.135.300..... (Viết bằng chữ) Hai mươi hai triệu một trăm ba mươi năm nghìn ba trăm đồng.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi hai triệu một trăm ba mươi năm nghìn ba trăm đồng.

*Ngày 30 tháng 01 năm 2011*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Người nhận tiền**  
*(Ký, họ tên)*

**Người lập phiếu**  
*(Ký, họ tên)*

**\* Kế toán nghiệp vụ chi tiền mặt tại quỹ**

Chứng từ gốc → phiếu chi → chi tiền ↘  
Sổ NKC → Sổ Cái TK111  
Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt

**VD3:** Ngày 28/01/2011 chi tiền mua vải in của công ty TNHH Đình Hưng để phục vụ cho việc in hàng theo hóa đơn GTGT số 0028490. Tổng số tiền thanh toán là 8.646.000 đồng thuế suất GTGT 10%.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT (Biểu số 05) dưới đây kế toán lập phiếu chi (Biểu số 06).

**VD4:** Ngày 30/01/2011 chi tiền mua mực in và mực in White của công ty TNHH MIR VINA theo hóa đơn GTGT số 0179537. Tổng số tiền thanh toán là 6.622.209 đồng, thuế suất GTGT 10%.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT (Biểu số 07) dưới đây kế toán lập phiếu chi (Biểu số 08).

Từ hóa đơn GTGT và phiếu chi kế toán tập hợp ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 09) và sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt (Biểu số 10).

Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản 111 (Biểu số 11).

Từ sổ cái kế toán vào bảng cân đối số phát sinh.

Cuối năm, tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính mà cụ thể là Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Trình tự hạch toán như sau:
  - Biểu số 05;07: Hóa đơn GTGT(liên 2)
  - Biểu số 06;08: Phiếu chi
  - Biểu số 09: Sổ nhật ký chung
  - Biểu số 10: Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
  - Biểu số 11: Sổ cái TK 111

**Biểu số 05:**

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT-3LL

NL/2011B

Liên 2: Giao khách hàng

0028490

Ngày 28 tháng 01 năm 2011

Đơn vị bán hàng: ..... CTY.TNHH ĐÌNH HÙNG .....  
 Địa chỉ: ..... 67/25 TRƯỜNG CHINH-HP .....  
 Số tài khoản: ..... MST: 0200383448 .....  
 Điện thoại: .....  
 Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH DAE HYUN VINA CO.LTD

Địa chỉ: Km 83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MST: 0200634701

| STT  | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính               | Số lượng | Đơn giá                                    | Thành tiền |
|--|-----------------------|---------------------------|----------|--|------------|
| A  | B                     | C                         | 1        | 2  | 3=1x2      |
| 01   | Mua vải in            | G                         | 03       | 2.620.000                                  | 7.860.000  |
|  |                       |                           |          |  |            |
| Cộng tiền hàng:  |                       |                           |          |  | 7.860.000  |
| Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:  |                       |                           |          |  | 786.000    |
| Tổng cộng thanh toán:  |                       |                           |          |  | 8.646.000  |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn.</i> |                       |                           |          |  |            |
| Người mua hàng<br>(ký, ghi rõ họ tên)  |                       | Người bán hàng<br>(Đã ký) |          | Thủ trưởng đơn vị<br>(Đã ký tên, đóng dấu) |            |
|  |                       |                           |          | <b>Giám đốc</b>                            |            |
|  |                       |                           |          | <b>Phan Thiếu Tuấn</b>                     |            |

**Biểu số 06:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Dae Hyun Vina**      **Quyển Số: 01**

**Mẫu số:02-TT**

**An Hưng- An Dương- Hải Phòng**

**Số: 25**

*QĐ số:15/2006/QĐ-BTC,Ngày*

Nợ 611:7.860.000

*20 tháng 03 năm 2006*

Nợ 133: 786.000

*của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính*

Có 111: 8.646.000

**PHIẾU CHI**

***Ngày 28 tháng 01 năm 2011***

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Bảo Minh

Địa chỉ (bộ phận): Văn phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền mua vải in của công ty TNHH Đình Hưng

Số tiền: 8.646.000 ..... (Viết bằng chữ) Tám triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) Tám triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn.

*Ngày 28 tháng 01 năm 2011*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Thủ quỹ**

**Người lập phiếu**

**Người nhận tiền**

*(Ký, họ tên,*

*(Ký, họ tên)*

*Ký, họ tên)*

*Ký, họ tên)*

*Ký, họ tên)*

*đóng dấu)*

**Biểu số 07:**

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT-3LL

MT/2011N

Liên 2: Giao khách hàng

0179537

Ngày 30 tháng 01 năm 2011

Đơn vị bán hàng: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Số tài khoản: .....  
 Điện thoại: .....  
 Họ tên người mua hàng:

CTY.TNHH MIR VINA  
 Đường số 9, KCN Tam Phước, Long Thành, ĐN.  
 MST: 3600842980

Tên đơn vị: Công ty TNHH DAE HYUN VINA CO.LTD

Địa chỉ: Km 83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM

MST: 0200634701

| STT  | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị<br>tính                   | Số<br>lượng | Đơn giá  | Thành tiền |
|--|-----------------------|----------------------------------|-------------|--|------------|
| A  | B                     | C                                | 1           | 2  | 3=1x2      |
| 01   | Mực in                | Kg                               | 15          | 242.586  | 3.638.790  |
| 02   | Mực in White          | Kg                               | 15          | 158.760  | 2.381.400  |
| <b>Cộng tiền hàng:</b>   |                       |                                  |             |  | 6.020.190  |
| huế suất GTGT: 10%    Tiền thuế GTGT:  |                       |                                  |             |  | 602.019    |
| <b>Tổng cộng thanh toán:</b>   |                       |                                  |             |  | 6.622.209  |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Sáu triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn hai trăm lẻ chín đồng.</i> |                       |                                  |             |  |            |
| Người mua hàng<br><i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>   |                       | Người bán hàng<br><i>(Đã ký)</i> |             | Thủ trưởng đơn vị<br><i>(Đã ký tên, đóng dấu)</i><br><b>Giám đốc</b><br><b>Kang Jing</b> |            |

**Biểu số 08:**

Đơn vị: Công ty TNHH Dae Hyun Vina      Quyền Số: 01

*Mẫu số: 02-TT*

An Hưng- An Dương- Hải Phòng

Số: 32

*QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC, Ngày*

Nợ 611:6.020.190

*20 tháng 03 năm 2006*

Nợ 133: 602.019

*của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính*

Có 111: 6.622.209

:

**PHIẾU CHI**

*Ngày 30 tháng 01 năm 2011*

Họ tên người nhận tiền: Đinh thị Ngọc Trâm

Địa chỉ (bộ phận): Văn phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền mua mực in của công ty TNHH Mir Vina

Số tiền: 6.622.209 ..... (Viết bằng chữ) Sáu triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn hai trăm lẻ chín đồng.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) Sáu triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn hai trăm lẻ chín đồng.

*Ngày 30 tháng 01 năm 2011*

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng  
dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 09:**

Đơn vị: Công ty TNHH Dae Hyun Vina

Địa chỉ: Km83, Quốc lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2011**

*Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ |             | Diễn giải   | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK         | Số phát sinh         |                         |
|-------------------|----------|-------------|---|---------------|----------|--------------------|----------------------|-------------------------|
|                   | Số Hiệu  | Ngày, Tháng |   |               |          |                    | Nợ                   | Có                      |
|                   |          |             | .....   |               |          |                    |                      |                         |
| 09/01/2011        | PC01.08  | 09/01/2011  | Thanh toán chuyển phát nhanh Hải Âu                       |               |          | 6427<br>111        | 80.000               | 80.000                  |
|                   |          |             | .....   |               |          |                    |                      |                         |
| 25/01/2011        | PT01.09  | 25/01/2011  | Thu tiền in hàng của công ty may Hồ Gươm                  |               |          | 111<br>511<br>3331 | 1.000.000            | 909.091<br>90.909       |
| 28/01/2011        | PC01.25  | 28/01/2011  | Thanh toán tiền mua vải in cho công ty TNHH Đình Hưng.    |               |          | 611<br>133<br>111  | 7.860.000<br>786.000 | 8.646.000               |
| 30/01/2011        | PT01.18  | 30/01/2011  | Thu tiền in hàng của công ty may quốc tế Woojin Việt Nam. |               |          | 111<br>511<br>3331 | 22.135.300           | 20.123.000<br>2.012.300 |
| 30/01/2011        | PC01.32  | 30/01/2011  | Thanh toán tiền mua mực in của công ty TNHH Mir Vina.     |               |          | 611<br>133         | 6.020.190<br>602.019 |                         |

Khóa luận tốt nghiệp

|                |          |                |   |  |  |                    |                        |                         |
|----------------|----------|----------------|---|--|--|--------------------|------------------------|-------------------------|
|                |          |                |   |  |  | <b>111</b>         |                        | <b>6.622.209</b>        |
|                |          |                | .....   |  |  |                    |                        |                         |
| 30/12/<br>2011 | PKT12.08 |                | Doanh thu in hàng cho công ty<br>TNHH Kido HN |  |  | 131<br>511<br>3331 | 89.745.233             | 81.586.575<br>8.158.233 |
| 31/12/<br>2011 | PC12.34  | 31/12/<br>2011 | Thanh toán tiền đồ mực in                     |  |  | 6427<br>133<br>111 | 900.000<br>90.000      | 990.000                 |
|                |          |                | <b>Cộng</b>                                   |  |  |                    | <b>108.422.480.728</b> | <b>108.422.480.728</b>  |

*Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng Giám Đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Khóa luận tốt nghiệp

**Biểu số 10:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Dae Hyun Vina**

**Địa chỉ: Km83, Quốc lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng**

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT QUỸ TIỀN MẶT**

**Tài khoản: 111**

*Trích tháng 01 năm 2011*

*Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

| Chứng từ       |                   | Diễn Giải  | TKĐƯ        | Số tiền        |                  |                          |
|----------------|-------------------|--|-------------|----------------|------------------|--------------------------|
| Số             | Ngày              |  |             | Thu            | Chi              | Tồn                      |
|                |                   | <b>Số tồn đầu kỳ</b>   |             |                |                  | <b><u>63.138.203</u></b> |
|                |                   | <b>Số phát sinh trong kỳ</b>                                     |             |                |                  |                          |
|                |                   | .....  |             |                |                  |                          |
| PT01.01        | 08/01/2011        | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.                     | 1121        | 185.000.000    |                  | 245.093.538              |
| PC01.08        | 09/01/2011        | Thanh toán chuyển phát nhanh- Hải Âu                             | 6427        |                | 80.000           | 245.013.538              |
|                |                   | .....  |             |                |                  |                          |
| <b>PT01.09</b> | <b>25/01/2011</b> | <b>Thu tiền in hàng của công ty may Hồ Gươm</b>                  | <b>511</b>  | <b>909.091</b> |                  | <b>1.265.618.700</b>     |
| <b>PT01.09</b> | <b>25/01/2011</b> | <b>Thu tiền in hàng của công ty may Hồ Gươm-VAT</b>              | <b>3331</b> | <b>90.909</b>  |                  | <b>1.265.709.609</b>     |
| <b>PC01.25</b> | <b>28/01/2011</b> | <b>Thanh toán tiền mua vải in cho công ty TNHH Đình Hưng.</b>    | <b>611</b>  |                | <b>7.860.000</b> | <b>1.257.849.609</b>     |
| <b>PC01.25</b> | <b>28/01/2011</b> | <b>Thanh toán tiền mua vải in cho công ty TNHH Đình Hưng-VAT</b> | <b>133</b>  |                | <b>786.000</b>   | <b>1.257.063.609</b>     |

Khóa luận tốt nghiệp

|         |            |  |      |                |                |                             |
|---------|------------|--|------|----------------|----------------|-----------------------------|
| PT01.18 | 30/01/2011 | Thu tiền in hàng của công ty may quốc tế Woojin Việt Nam.    | 511  | 20.123.000     |                | 1.277.186.609               |
| PT01.18 | 30/01/2011 | Thu tiền in hàng của công ty may quốc tế Woojin Việt Nam-VAT | 3331 | 2.012.300      |                | 1.279.198.909               |
| PC01.32 | 30/01/2011 | Thanh toán tiền mua mực in của công ty TNHH Mir Vina.        | 611  |                | 6.020.190      | 1.273.178.719               |
| PC01.32 | 30/01/2011 | Thanh toán tiền mua mực in của công ty TNHH Mir Vina-VAT     | 133  |                | 602.019        | 1.272.576.700               |
|         |            | .....  |      |                |                |                             |
|         |            | Cộng số phát sinh tháng 01                                   |      | 1.432.634.500  | 233.364.069    | 1.262.408.634               |
|         |            | <b><u>Số tồn cuối tháng 01</u></b>                           |      |                |                | <b><u>1.262.408.634</u></b> |
|         |            | .....  |      |                |                |                             |
|         |            | Cộng số phát sinh trong kỳ                                   |      | 10.811.322.540 | 10.700.006.068 | 174.454.675                 |
|         |            | <b><u>Số tồn cuối kỳ</u></b>                                 |      |                |                | <b><u>174.454.675</u></b>   |

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng Giám Đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 11:**

Đơn vị: Công ty TNHH Dae Hyun Vina  
Địa chỉ: Km83, Quốc lộ 5, An Hưng, An Dương,  
Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Trích tháng 01 năm 2011)

Tên tài khoản: Tiền mặt

Số hiệu: 111

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

| Ngày,<br>Tháng<br>Ghi số | Chứng từ            |                        | Diễn giải  | Số<br>hiệu<br>TK<br>đối<br>ứng | Số tiền                         |                              |
|--------------------------|---------------------|------------------------|--|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------|
|                          | Số<br>hiệu          | Ngày,<br>tháng         |  |                                | Nợ                              | Có                           |
|                          |                     |                        | <b>Số dư đầu năm</b>   |                                | <b>63.138.203</b>               |                              |
|                          |                     |                        | Số phát sinh trong tháng   |                                |                                 |                              |
|                          |                     |                        | .....  |                                |                                 |                              |
| 08/01/<br>2011           | PT01.<br>01         | 08/01/<br>2011         | Rút tiền gửi ngân hàng về<br>nhập quỹ tiền mặt.                          | 1121                           | 185.000.000                     |                              |
| 09/01/<br>2011           | PT01.<br>08         | 09/01/<br>2011         | Thanh toán chuyển phát<br>nhANH- Hải Âu                                  | 6427                           | 80.000                          |                              |
|                          |                     |                        | .....  |                                |                                 |                              |
| <b>25/01/<br/>2011</b>   | <b>PT01.<br/>09</b> | <b>25/01/<br/>2011</b> | <b>Thu tiền in hàng của<br/>công ty may Hồ Gươm</b>                      | <b>511<br/>3331</b>            | <b>909.091<br/>90.909</b>       |                              |
| <b>28/01/<br/>2011</b>   | <b>PC01.<br/>25</b> | <b>28/01/<br/>2011</b> | <b>Thanh toán tiền mua vải<br/>in cho công ty TNHH<br/>Đĩnh Hưng.</b>    | <b>611<br/>133</b>             |                                 | <b>7.860.000<br/>786.000</b> |
| <b>30/01/<br/>2011</b>   | <b>PT01.<br/>18</b> | <b>30/01/<br/>2011</b> | <b>Thu tiền in hàng của<br/>công ty may quốc tế<br/>Woojin Việt Nam.</b> | <b>511<br/>3331</b>            | <b>20.123.000<br/>2.012.300</b> |                              |
| <b>30/01/<br/>2011</b>   | <b>PC01.<br/>32</b> | <b>30/01/<br/>2011</b> | <b>Thanh toán tiền mua<br/>mực in của công ty<br/>TNHH Mir Vina.</b>     | <b>611<br/>133</b>             |                                 | <b>6.020.190<br/>602.019</b> |
|                          |                     |                        | .....  |                                |                                 |                              |
|                          |                     |                        | Cộng số phát sinh tháng 1  |                                | 1.432.634.500                   | 233.364.069                  |
|                          |                     |                        | <b>Số dư cuối tháng 1</b>  |                                | <b>1.262.408.634</b>            |                              |
|                          |                     |                        | .....  |                                |                                 |                              |
|                          |                     |                        | Cộng số phát sinh trong kỳ   |                                | <b>10.811.322.540</b>           | <b>10.700.006.068</b>        |
|                          |                     |                        | <b>Số dư cuối kỳ</b>   |                                | <b>174.454.675</b>              |                              |

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.1.2. *Hạch toán tổng hợp tiền mặt:*

**Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Ngoài ra còn có các chứng từ liên quan để kế toán xác định nội dung thu, chi như là: Hóa đơn GTGT hàng hóa mua vào hoặc bán ra ....

**Sổ sách sử dụng:**

- Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK111

**Tài khoản sử dụng:**

- TK 111 (1111: Tiền mặt- Việt Nam Đồng)



### 2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng

Các nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng như:

- \* Các nguồn thu:
  - Thu tiền in hàng.
  - Bán ngoại tệ cho ngân hàng.
  - Lãi nhập vốn....
- \* Các nguồn chi:
  - Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.
  - Thanh toán tiền hàng.
  - Ngân hàng thu phí dịch vụ...

#### 2.2.2.1. Hạch toán chi tiết tiền gửi ngân hàng

Chứng từ gốc → gửi ủy nhiệm thu → giấy báo có → sổ nhật ký chung → sổ cái TK112  
Sổ tiền gửi ngân hàng

#### \* Kế toán nghiệp vụ làm tăng TGNH

**VD5:** Ngày 07/01/2011 công ty TNHH PNG Việt Nam thanh toán một phần tiền in viên, theo hóa đơn số 0093640 bằng chuyển khoản, số tiền là 931.590.582 đồng, thuế suất GTGT 10%.

**VD6:** Ngày 13/01/2011 công ty TNHH SHINTS BVT trả tiền hàng in các loại, theo hóa đơn số 0093646 bằng chuyển khoản, số tiền là 1.813 USD với tỷ giá: 18.469 VNĐ/USD. Với tổng tiền thanh toán là 36.832.726 đồng, thuế suất GTGT 10%.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT (liên 3) (Biểu số 12, 15).
- Công ty gửi UNT (Biểu số 13, 16) tới ngân hàng.
- Ngân hàng sau khi thu được tiền sẽ gửi giấy báo có về công ty (Biểu số 14, 17).
- Từ giấy báo có kế toán làm căn cứ ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 09) và sổ tiền gửi ngân hàng (Biểu số 28)
- Sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 112 (Biểu số 29)
- Từ sổ cái kế toán vào bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối năm, tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh

để lập báo cáo tài chính mà cụ thể là Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Trình tự hạch toán như sau:
  - Biểu số 12;15: Hóa đơn GTGT
  - Biểu số 13;16: Ủy nhiệm thu
  - Biểu số 14;17: Giấy báo có
  - Biểu số 09: Sổ nhật ký chung
  - Biểu số 28 (28a;28b) : Sổ tiền gửi ngân hàng
  - Biểu số 29: Sổ cái TK 112

**Biểu số 12:**

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT-3LL

RG/2011B

Liên 3: Nội bộ

0093640

Ngày 07 tháng 01 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dae Hyun Vina .....

Địa chỉ: Km83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.....

Số tài khoản: .....

Điện thoại: .....MS: 

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 6 | 3 | 4 | 7 | 0 | 1 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH PNG Việt Nam.

Địa chỉ: Cẩm Thượng – Hải Dương.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MS: 

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 8 | 0 | 0 | 5 | 0 | 6 | 7 | 9 | 7 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| STT  | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính                      | Số lượng | Đơn giá  | Thành tiền  |
|--|-----------------------|----------------------------------|----------|--|-------------|
| A  | B                     | C                                | 1        | 2  | 3=1x2       |
| 01   | In viên               | Chiếc                            | 5.960    | 142.097  | 846.900.529 |
| <b>Cộng tiền hàng:</b>   |                       |                                  |          |  | 846.900.529 |
| <b>Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:</b>   |                       |                                  |          |  | 84.690.053  |
| <b>Tổng cộng thanh toán:</b>   |                       |                                  |          |  | 931.590.582 |
| Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín trăm ba mươi một triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm tám mươi hai đồng.</i> |                       |                                  |          |  |             |
| <b>Người mua hàng</b><br>(ký, ghi rõ họ tên)   |                       | <b>Người bán hàng</b><br>(Đã ký) |          | <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br>(Đã ký tên, đóng dấu)<br><b>Giám đốc</b><br><b>BAEK BONG DAE</b> |             |



**Biểu số 13:**

**ỦY NHIỆM THU**

**SỐ 01**

**CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN** Lập ngày: 07/01/2011

Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Dae Hyun Vina

Số tài khoản: 13436689

Tại ngân hàng: Á Châu Tỉnh, TP: Hải Phòng

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH PNG Việt Nam

Số tài khoản: 32110000015693

Tại ngân hàng: Đầu tư và phát triển Tỉnh, TP: HD

Số tiền bằng chữ: Chín trăm ba mươi một triệu năm trăm

chín mươi nghìn năm trăm tám mươi hai đồng.

Nội dung thu: Thu tiền theo HĐ RG 2011B 0093640

Đơn vị nhận tiền Ngân hàng...

Kế toán Chủ tài khoản Ghi sổ ngày

Kế toán Trưởng phòng

kế toán

**PHẦN DO NH GHI**

**TÀI KHOẢN NỢ**

**TÀI KHOẢN CÓ**

**SỐ TIỀN BẰNG SỐ**

**931.590.582**

Ngân hàng...

Ghi sổ ngày

Kế toán

Trưởng phòng

**Biểu số 14:**

**ACB** NGÂN HÀNG Á CHÂU

Số GD: 3411

Mã GDV: DUONG DTQT

**GIẤY BÁO CÓ**

*Ngày 07 tháng 01 năm 2011*

Kính gửi : Công ty TNHH Dae Hyun Vina

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có : 13436689

Số tiền bằng số : **931.590.582**

Số tiền bằng chữ : Chín trăm ba mươi một triệu năm trăm chín mươi nghìn năm trăm tám mươi hai đồng.

Nội dung : Thu tiền theo HĐ RG 2011B 0093640

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**



**Biểu số 16:**

**ỦY NHIỆM THU**

Số 05

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN Lập ngày: 13/01/2011

Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Dae Hyun Vina

Số tài khoản: 13436689

Tại ngân hàng: Á Châu Tỉnh, TP: Hải Phòng

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH Shints BVT

Số tài khoản: 21800043

Tại ngân hàng: Đầu tư và phát triển Tỉnh, TP: HD

Số tiền bằng chữ: Ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng chẵn.

Nội dung thu: Thu tiền theo HĐ RG 2011B 0093646

Đơn vị nhận tiền Ngân hàng...

Kế toán Chủ tài khoản Ghi sổ ngày

Kế toán Trưởng phòng  
kế toán

**PHẦN DO NH GHI**  
TÀI KHOẢN NỢ

TÀI KHOẢN CÓ

**SỐ TIỀN BẰNG SỐ**  
**36.832.726**

Ngân hàng...

Ghi sổ ngày

Kế toán Trưởng phòng  
kế toán

**Biểu số 17:**

**ACB** NGÂN HÀNG Á CHÂU

Số GD: 3419

Mã GDV: DUONG DTQT

**GIẤY BÁO CÓ**

*Ngày 13 tháng 01 năm 2011*

Kính gửi: Công ty TNHH Dae Hyun Vina

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có : 13436689

Số tiền bằng số : **36.832.726**

Số tiền bằng chữ : Ba mươi sáu triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng chẵn.

Nội dung : Thu tiền theo HĐ RG 2011B 0093646

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

**\* Kế toán nghiệp vụ làm giám TGNH**

Chúng từ gốc → gửi ủy nhiệm chi → giấy báo nợ → sổ nhật ký chung → sổ cái TK112.  
Sổ tiền gửi ngân hàng.

**VD7:** Ngày 08/01/2011 Công ty TNHH Dae Hyun Vina trả tiền mực in cho công ty Việt Hàn Mỹ, theo hóa đơn số 0032032 bằng chuyển khoản, tổng số tiền thanh toán là 14.992.452 đồng, thuế suất GTGT 10%.

**VD8:** Ngày 19/01/2011 Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, với số tiền là 17.000.000 đồng.

**VD9:** Ngày 25/01/2011 thanh toán tiền mua mực in của công ty TNHH Mir Vina, theo hóa đơn số 0179532, bằng chuyển khoản, tổng số tiền thanh toán 23.851.696 đồng, thuế suất GTGT 10%.

- Căn cứ hóa đơn GTGT (liên 2) (Biểu số 18; 22).
- Công ty gửi UNC (Biểu số 19; 23) tới ngân hàng.
- Ngân hàng sau khi chi tiền sẽ gửi giấy báo nợ về công ty (Biểu số 20; 24) và phiếu thu phí dịch vụ (Biểu số 21; 25).
- Từ giấy báo nợ và phiếu thu phí dịch vụ kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 09) và sổ tiền gửi ngân hàng (Biểu số 28).
- Sau đó từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 112 (Biểu số 29)

Trình tự hạch toán:

- Biểu số 18; 22: Hóa đơn GTGT (liên 2).
- Biểu số 19; 23 : Ủy nhiệm chi.
- Biểu số 20; 24: Giấy báo nợ.
- Biểu số 21; 25: Phiếu thu phí dịch vụ.
- Biểu số 26: Giấy lĩnh tiền.
- Biểu số 27: Bảng liệt kê giao dịch.
- Biểu số 09: Sổ nhật ký chung.
- Biểu số 28 (28a; 28b): Sổ tiền gửi ngân hàng.
- Biểu số 29: Sổ cái TK 112.

**Biểu số 18:**

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT-3LL

AL/2011N

Liên 2: Giao khách hàng

0032032

Ngày 08 tháng 01 năm 2011

Đơn vị bán hàng: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Số tài khoản: .....  
 Điện thoại: .....

|                                     |
|-------------------------------------|
| CTY.TNHH VIỆT HÀN MỸ                |
| ĐC: 70/55 Nguyễn Sĩ Sách P.15, Q.TB |
| MST: 0304265914                     |

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH DAE HYUN VINA CO.LTD

Địa chỉ: Km 83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200634701

| STT   | Tên hàng hóa, dịch vụ  | Đơn vị tính               | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền                |
|---|------------------------|---------------------------|----------|---|---------------------------|
| A   | B                      | C                         | 1        | 2   | 3=1x2                     |
| 01  | Mực in GA <sub>2</sub> | Kg                        | 65,5     | 208.084   | 13.629.502                |
|   |                        |                           |          |   |                           |
| Cộng tiền hàng:   |                        |                           |          |   | 13.629.502                |
| Thuế suất GTGT: 10%   |                        |                           |          |   | Tiền thuế GTGT: 1.362.950 |
| Tổng cộng thanh toán:   |                        |                           |          |   | 14.992.452                |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng. |                        |                           |          |   |                           |
| Người mua hàng<br>(ký, ghi rõ họ tên)   |                        | Người bán hàng<br>(Đã ký) |          | Thủ trưởng đơn vị<br>(Đã ký tên, đóng dấu)<br><b>Giám đốc</b><br><b>Phạm Thị ThanhThu</b> |                           |

**Biểu số 19:**

**ACB**

**ỦY NHIỆM CHI/PAYMENT ORDER**

ASIA COMMERCIAL BANK

**Ngày/Date** 08/01/2011

**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/APPLICANT**

**Tên tài khoản/Acc's Name:** Công ty TNHH Dae Hyun Vina

**Số tài khoản/ Acct No.** 13436689

**Tại ngân hàng Á Châu\_chi nhánh/**

*At ACB\_Branch:* Hải Phòng.

**ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY**

**Đơn vị thụ hưởng/Beneficiary:** Công ty TNHH Việt Hàn Mỹ.

**Số tài khoản/ Acct No.** 21500325

**CMND/Hộ chiếu/ID CARD/PP No**

**Ngày cấp/Date**

**Nơi cấp/Place**

**Tại ngân hàng/ Beneficiary's Bank:** Công Thương

*Tỉnh,TP/Province, City:* TP Hồ Chí Minh.

**Số tiền bằng chữ/Amount in Words:** Mười bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng.

**Bằng số: 14.992.452**

*In figures:*

**Nội dung/Details:** Thanh toán tiền mục in.

**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/Applicant**  
Kế toán                      Chủ tài khoản  
trưởng

**NGÂN HÀNG Á CHÂU/ACB**  
Ghi số ngày/Post date....  
Giao dịch      kiểm soát viên  
viên

**NGÂN HÀNG B/ B Bank**  
Ghi số ngày/Post date.....  
Giao dịch      Trưởng đơn vị  
Viên



**Biểu số 20:**

**ACB** NGÂN HÀNG Á CHÂU

SỐ GD: 3412

Mã GDV: DUONG DTQT

**GIẤY BÁO NỢ**

*Ngày 08 tháng 01 năm 2011*

Kính gửi: Công ty TNHH Dae Hyun Vina

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ : 13436689

Số tiền bằng số : **14.992.452**

Số tiền bằng chữ : Mười bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng chẵn.

Nội dung : Thanh toán tiền theo HĐ AL 2011N 0032032

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**



**Biểu số 22:**

**HÓA ĐƠN  
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT-3LL  
MT/2011N

Liên 2: Giao khách hàng 0179532  
Ngày 25 tháng 01 năm 2011

Đơn vị bán hàng: .....  
Địa chỉ: .....  
Số tài khoản: .....  
Điện thoại: .....  
Họ tên người mua hàng: .....

CTY.TNHH MIR VINA  
Đường số 9, KCN Tam Phước, Long Thành, ĐN.  
MST: 3600842980

Tên đơn vị: Công ty TNHH DAE HYUN VINA CO.LTD  
Địa chỉ: Km 83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.  
Số tài khoản:  
Hình thức thanh toán: CK

MST: 0200634701

| STT   | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính                      | Số lượng | Đơn giá  | Thành tiền |
|---|-----------------------|----------------------------------|----------|--|------------|
| A   | B                     | C                                | 1        | 2  | 3=1x2      |
| 01  | Plastisol 260 White   | Kg                               | 25       | 136.080  | 3.402.000  |
| 02  | PP Yellow             | Kg                               | 22       | 170.280  | 3.746.160  |
| 03  | Plastisol Green       | Kg                               | 15       | 242.500  | 3.637.500  |
| 04  | FL Yellow             | Kg                               | 22       | 247.675  | 5.448.850  |
| 05  | FL Red                | Kg                               | 22       | 247.675  | 5.448.850  |
| Cộng tiền hàng:   |                       |                                  |          |  | 21.683.360 |
| Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:   |                       |                                  |          |  | 2.168.336  |
| Tổng cộng thanh toán:   |                       |                                  |          |  | 23.851.696 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi một nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng. |                       |                                  |          |  |            |
| <b>Người mua hàng</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)  |                       | <b>Người bán hàng</b><br>(Đã ký) |          | <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br>(Đã ký tên, đóng dấu)<br><b>Giám đốc</b><br><b>Kang Jing</b> |            |

Biểu số 23:

**ACB**

**ỦY NHIỆM CHI/PAYMENT ORDER**

ASIA COMMERCIAL BANK

Ngày/Date 25/01/2011

**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/APPLICANT**

Tên tài khoản/Acc's Name: Công ty TNHH Dae Hyun Vina

Số tài khoản/Acct No. 13436689

Tại ngân hàng Á Châu\_chi

nhánh/ At ACB\_Branch: Hải Phòng.

**ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY**

Đơn vị thụ hưởng/Beneficiary Công ty TNHH Mir Vina.

Số tài khoản/ Acct No.31400268

CMND/Hộ chiếu/ID CARD/PP No

Ngày cấp/Date

Nơi cấp/Place

Tại ngân hàng/ Beneficiary's Bank: Sài Gòn Bank

Tỉnh,TP/Province, City: Đồng Nai

Số tiền bằng chữ/Amount in Words Hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi một nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng.

**Bằng số: 23.851.696**

In figures:

Nội dung/Details: Thanh toán tiền mục in.

**ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/Applicant**  
Kế toán                      Chủ tài khoản  
trưởng

**NGÂN HÀNG Á CHÂU/ACB**  
Ghi số ngày/Post date....  
Giao dịch      kiểm soát viên  
viên

**NGÂN HÀNG B/ B Bank**  
Ghi số ngày/Post date.....  
Giao dịch      Trưởng đơn vị  
Viên

**Biểu số 24:**

**ACB** NGÂN HÀNG Á CHÂU

SỐ GD: 3428

Mã GDV: DUONG DTQT

**GIẤY BÁO NỢ**

*Ngày 25 tháng 01 năm 2011*

Kính gửi: Công ty TNHH Dae Hyun Vina

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ : 13436689

Số tiền bằng số : **23.851.696**

Số tiền bằng chữ : Hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi một nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng.

Nội dung : Thanh toán tiền theo HĐ MT 2011N 0179532

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

**Biểu số 25:**

Ngân hàng Á Châu

Mã GDV: DUONG DTQT

Chi nhánh: ACB- An Dương-HP

Số GD: 3429

Liên 2

**PHIẾU THU PHÍ DỊCH VỤ-VND**

(Chuyển khoản)

25-01-2011

Chủ tài khoản: CÔNG TY TNHH DAE HYUN VINA

Địa chỉ: KM83, QUỐC LỘ 5, AN HƯNG, AN DƯƠNG, HẢI PHÒNG.

Số tài khoản: 13436689

Mã Số Thuế: 0200634701

Nội dung: THU PHÍ CT

Số tiền phí: 29.545,00 VND

Thuế GTGT (10%): 2.955,00 VND

Tổng cộng: **Bằng số: 32.500,00 VND**

Tiền thanh toán: Bằng chữ: BA MƯƠI HAI NGHÌN NĂM TRĂM ĐỒNG.

**Giao dịch viên**

**Kiểm soát**

**Trưởng phòng**

**Biểu số 26:**

**ACB** Ngân hàng Á Châu **GIẤY LĨNH TIỀN-Withdrawal Slip** Số GD: 3426

Mã GDV DUONG DTQT

Người lĩnh tiền/Receiver: Hoàng thị Thủy

CMND/I.D, PP No: 031577907

Địa chỉ/Address: Km83, Quốc Lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng

Tên tài khoản/Account: Công ty TNHH Dae Hyun Vina

Số tài khoản/Account No: 13436689 Tại ngân hàng/With Bank: ACB-HP

Yêu cầu rút tiền:                      Bảng chữ/In words: Mười bảy triệu đồng chẵn.

*Amount to withdraw*                      Bảng số/In figures: 17.000.000 đồng.

Nội dung/Details: Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.

|                           |                      |  |  |                           |
|---------------------------|----------------------|--|--|---------------------------|
| <b>Kế toán<br/>trưởng</b> | <b>Chủ tài khoản</b> | <b>Người lĩnh tiền<br/>Receiver<br/>(Đã nhận đủ tiền</b> | <b>Giao dịch<br/>Trưởng<br/>CN/PGD</b> | <b>Kiểm soát<br/>viên</b> |
|---------------------------|----------------------|--|--|---------------------------|

**Biểu số 27:**

**ACB** Ngân hàng Á Châu

**LIỆT KÊ GIAO DỊCH**

Tài khoản: 13436689

**Số dư đầu:**

**189.483.571, 00 (VND)**

| Ngày     | Số GD | Ghi nợ                                       | Ghi có  | Số dư          |
|----------|-------|--|---|----------------|
| 06-01-11 | 3410  | 185.000.000,00<br>BEAK BONG DAE<br>RTM       |   | 4.483571,00    |
| 07-01-11 | 3411  |  | 931.590.582<br>CÔNG TY TNHH<br>PNG VN THANH<br>TOÁN TIỀN IN<br>VIÊN | 936.074.153,00 |
| 08-01-11 | 3412  | 14.992.452,00<br>TRẢ TIỀN MỤC VIỆT<br>HÀN MỸ |   | 921.081.701,00 |
| 08-01-11 | 3413  | 28.437,00<br>THU PHÍ CT                      |   | 921.053.264,00 |
|          |       | .....  |   |                |
| 13-01-11 | 3419  |  | 36.832.726,00<br>CÔNG TY SHINTS<br>BVT TRẢ TIỀN IN<br>HÀNG          | 61.161.966,00  |
|          |       | .....  |   |                |
| 19-01-11 | 3426  | 17.000.000,00<br>HOÀNG THỊ THỦY<br>RTM       |   | 47.855.525,00  |
|          |       | .....  |   |                |
| 25-01-11 | 3428  | 23.851.696,00<br>TRẢ TIỀN MỤC MIR<br>VINA    |   | 51.840.180,00  |
| 25-01-11 | 3429  | 32.500,00<br>THU PHÍ CT                      |   | 51.807.680,00  |
| 26-01-11 | 3430  |  | 470.823,00<br>LÃI NHẬP VỐN  | 52.278.503,00  |
|          |       | .....  |   |                |

**Tổng rút ra: 1.325.252.837, 00 (VND) Tổng gửi vào: 1.141.612.451, 00 (VND)**

**Số dư cuối: 5.843.185, 00 (VND)**



**Biểu số 09:**

Đơn vị: Công ty TNHH Dae Hyun Vina  
Địa chỉ: Km83, Quốc lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2011**

*Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ |             | Diễn giải                                    | Đã ghi sổ cái | TT dòng | Số hiệu TK          | Số phát sinh            |                           |
|-------------------|----------|-------------|--|---------------|---------|---------------------|-------------------------|---------------------------|
|                   | Số Hiệu  | Ngày, Tháng |  |               |         |                     | Nợ                      | Có                        |
|                   |          |             | .....  |               |         |                     |                         |                           |
| 06/01/2011        | PT01.01  | 06/01/2011  | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt. |               |         | 111<br>1121         | 185.000.000             | 185.000.000               |
| 07/01/2011        | CHV01.01 | 07/01/2011  | Doanh thu in hàng cho công ty PNG.           |               |         | 1121<br>511<br>3331 | 931.590.582             | 846.900.529<br>84.690.053 |
| 08/01/2011        | NHV01.02 | 08/01/2011  | Mua mực in của công ty Việt Hàn Mỹ.          |               |         | 611<br>133<br>1121  | 13.629.502<br>1.362.950 | 14.992.452                |
| 08/01/2011        | PT01.02  | 08/01/2011  | Ngân hàng thu phí dịch vụ.                   |               |         | 6427<br>1121        | 28.437                  | 28.437                    |
|                   |          |             | .....  |               |         |                     |                         |                           |
| 13/01/2011        | CHV01.22 | 13/01/2011  | Doanh thu in hàng cho công ty Shints BVT.    |               |         | 1122<br>511         | 36.832.726              | 33.484.297                |

Khóa luận tốt nghiệp

|                   |                 |                   |   |  |  |                             |                                 |                        |
|-------------------|-----------------|-------------------|---|--|--|-----------------------------|---------------------------------|------------------------|
|                   |                 |                   |   |  |  | <b>3331</b>                 |                                 | <b>3.348.429</b>       |
|                   |                 |                   | .....   |  |  |                             |                                 |                        |
| <b>19/01/2011</b> | <b>PT01.17</b>  | <b>19/01/2011</b> | <b>Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt.</b> |  |  | <b>111<br/>1121</b>         | <b>17.000.000</b>               | <b>17.000.000</b>      |
|                   |                 |                   | .....   |  |  |                             |                                 |                        |
| <b>25/01/2011</b> | <b>NHV01.28</b> | <b>25/01/2011</b> | <b>Mua mực in của công ty Mir Vina.</b>             |  |  | <b>611<br/>133<br/>1121</b> | <b>21.683.360<br/>2.168.336</b> | <b>23.851.696</b>      |
| <b>25/01/2011</b> | <b>PT01.28</b>  | <b>25/01/2011</b> | <b>Ngân hàng thu phí dịch vụ.</b>                   |  |  | <b>6427<br/>1121</b>        | <b>32.500</b>                   | <b>32.500</b>          |
| 26/01/2011        | CHV01.29        | 26/01/2011        | Lãi nhập vốn  |  |  | 1121<br>515                 | 470.823                         | 470.823                |
| 26/01/2011        | CHV01.29        | 26/01/2011        | Lãi nhập vốn tháng 1                                |  |  | 1122<br>515                 | 23.640                          | 23.640                 |
|                   |                 |                   | .....   |  |  |                             |                                 |                        |
| 31/12/2011        | NHV12.11        | 31/12/2011        | Trả tiền Lựa Hợp Nhất.                              |  |  | 331<br>1121                 | 84.675.989                      | 84.675.989             |
|                   |                 |                   | <b>Cộng</b>   |  |  |                             | <b>108.422.480.728</b>          | <b>108.422.480.728</b> |

*Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Tổng Giám Đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu số 28a:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Dae Hyun Vina**

**Địa chỉ: Km83, Quốc lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng**

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

**Tài khoản: 1121-Tiền gửi ngân hàng ACB-VND**

*Trích tháng 01 năm 2011*

*Đơn vị tính: Việt Nam Đồng*

| Chứng từ |            | Diễn Giải                                       | TKĐƯ | Số tiền            |                           |         |
|----------|------------|---|------|--------------------|---------------------------|---------|
| Số       | Ngày       |   |      | Thu (gửi vào)      | Chi (rút ra)              | Còn lại |
|          |            | <b><u>Số tồn đầu kỳ</u></b>                     |      |                    | <b><u>189.483.571</u></b> |         |
|          |            | <b>Số phát sinh trong kỳ</b>                    |      |                    |                           |         |
| PT01.01  | 06/01/2011 | Rút tiền gửi ngân hàng về<br>nhập quỹ tiền mặt. | 111  |                    | 185.000.000               |         |
| CHV01.01 | 07/01/2011 | Doanh thu in hàng cho công<br>ty PNG.           | 511  | <b>846.900.529</b> | 851.384.100               |         |
|          |            |   | 3331 | <b>84.690.053</b>  | 936.074.153               |         |
| NHV01.02 | 08/01/2011 | Mua mực in của công ty<br>Việt Hàn Mỹ.          | 611  | <b>13.629.502</b>  | 922.444.651               |         |
|          |            |   | 133  | <b>1.362.950</b>   | 921.081.701               |         |
| PT01.02  | 08/01/2011 | Ngân hàng thu phí dịch vụ.                      | 6427 | <b>28.437</b>      | 921.053.264               |         |
|          |            | .....   |      |                    |                           |         |
| PT01.17  | 19/01/2011 | Rút tiền gửi ngân hàng về                       | 111  | <b>17.000.000</b>  | 1.763.639.289             |         |

Khóa luận tốt nghiệp

|                 |                   |   |                    |                |                                 |                                |
|-----------------|-------------------|---|--------------------|----------------|---------------------------------|--------------------------------|
|                 |                   | <b>nhập quỹ tiền mặt.</b>                   |                    |                |                                 |                                |
|                 |                   | .....                                       |                    |                |                                 |                                |
| <b>NHV01.28</b> | <b>25/01/2011</b> | <b>Mua mực in của công ty<br/>Mir Vina.</b> | <b>611<br/>133</b> |                | <b>21.683.360<br/>2.168.336</b> | 1.814.138.917<br>1.811.970.581 |
| <b>PT01.28</b>  | <b>25/01/2011</b> | <b>Ngân hàng thu phí dịch vụ.</b>           | <b>6427</b>        |                | <b>32.500</b>                   | 1.811.938.081                  |
| CHV01.29        | 26/01/2011        | Lãi nhập vốn                                | 515                | 470.823        |                                 | 1.812.408.904                  |
|                 |                   | .....                                       |                    |                |                                 |                                |
|                 |                   | Cộng số phát sinh T1                        |                    | 3.504.281.249  | 1.926.093.721                   | 1.767.671.099                  |
|                 |                   | <b><u>Số dư cuối T1</u></b>                 |                    |                |                                 | <b><u>1.767.671.099</u></b>    |
|                 |                   | .....                                       |                    |                |                                 |                                |
|                 |                   | Cộng số phát sinh trong kỳ                  |                    | 15.633.097.281 | 15.101.798.484                  |                                |
|                 |                   | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>                 |                    |                |                                 | <b><u>720.782.368</u></b>      |

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng Giám Đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 28b:**

Đơn vị: Công ty TNHH Dae Hyun Vina

Địa chỉ: Km83, Quốc lộ 5, An Hưng, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S08-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

**Tài khoản: 1122-Tiền gửi ngân hàng ACB-USD**

*Trích tháng 01 năm 2011*

| Chứng từ |             | Diễn Giải                             | TK ĐƯ       | Tỷ Giá           | Số tiền        |                         |          |                        |                            |            |
|----------|-------------|---------------------------------------|-------------|------------------|----------------|-------------------------|----------|------------------------|----------------------------|------------|
| Số Hiệu  | Ngày, Tháng |                                       |             |                  | Thu            |                         | Chi      |                        | Tồn                        |            |
|          |             |                                       |             |                  | Ngoại tệ       | Quy ra VNĐ              | Ngoại tệ | Quy ra VNĐ             | Ngoại tệ                   | Quy ra VNĐ |
|          |             | <b>Số dư đầu kỳ</b>                   |             |                  |                |                         |          | <b><u>5.767,12</u></b> | <b><u>103.467.900</u></b>  |            |
|          |             | Số phát sinh trong kỳ                 |             |                  |                |                         |          |                        |                            |            |
|          |             | ...                                   |             |                  |                |                         |          |                        |                            |            |
| CHV01    | 13/01/2011  | Doanh thu in hàng cho cty Shints BVT. | 511<br>3331 | 18.469<br>1.8469 | 1.813<br>1.813 | 33.484.297<br>3.348.429 |          | 5.767,12<br>7.580,12   | 102.916.252<br>106.264.681 |            |
| NHV01.   | 15/01/2011  | Bán ngoại tệ cho NH                   | 1121        | 18.479           |                |                         | 5.500,00 | 101.634.500            | 2.080,12<br>4.630.181      |            |
|          |             | .....                                 |             |                  |                |                         |          |                        |                            |            |
| CHV01.   | 26/01/2011  | Lãi nhập vốn tháng 1                  | 515         | 18.469           | 1,28           | 23.640                  |          |                        | 3.723,46<br>65.116.895     |            |

Khóa luận tốt nghiệp

|             |                |                              |     |        |           |             |           |             |                        |                          |
|-------------|----------------|------------------------------|-----|--------|-----------|-------------|-----------|-------------|------------------------|--------------------------|
|             |                | .....                        |     |        |           |             |           |             |                        |                          |
| PT01.<br>09 | 30/01/<br>2011 | Rút USD về nhập quỹ          | 111 | 18.479 |           |             | 3.650,00  | 67.448.350  | 3.696,46               | 64.618.232               |
|             |                | Cộng số phát sinh T1         |     |        | 3.456,34  | 63.835.143  | 5.527,00  | 102.684.811 |                        |                          |
|             |                | <b><u>Số tồn cuối T1</u></b> |     |        |           |             |           |             | <b><u>3.696,46</u></b> | <b><u>64.618.232</u></b> |
|             |                | .....                        |     |        |           |             |           |             |                        |                          |
|             |                | <b><u>Tổng cộng</u></b>      |     |        | 31.855,66 | 607.546.040 | 37.597,86 | 710.542.155 |                        | <b><u>471.785</u></b>    |

*Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng Giám Đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

**Biểu số 29:**

Đơn vị: Công ty TNHH Dae Hyun Vina

Địa chỉ: Km83, Quốc lộ 5, An Hưng, An Dương,

Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Trích tháng 01 năm 2011)

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

| NT<br>Ghi sổ           | Chứng từ        |                        | Diễn giải                                    | Số hiệu<br>TK ĐƯ    | Số tiền                           |                                 |
|------------------------|-----------------|------------------------|--|---------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
|                        | Số hiệu         | Ngày,<br>tháng         |  |                     | Nợ                                | Có                              |
|                        |                 |                        | <b><u>Số dư đầu năm</u></b>                  |                     | <b><u>292.951.471</u></b>         |                                 |
|                        |                 |                        | Số phát sinh trong tháng                     |                     |                                   |                                 |
| 06/01/<br>2011         | PT01.01         | 06/01/<br>2011         | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt. | 111                 |                                   | 185.000.000                     |
| <b>07/01/<br/>2011</b> | <b>CHV01.01</b> | <b>07/01/<br/>2011</b> | <b>Doanh thu in hàng cho cty PNG.</b>        | <b>511<br/>3331</b> | <b>846.900.529<br/>84.690.053</b> |                                 |
| <b>08/01/<br/>2011</b> | <b>NHV01.02</b> | <b>08/01/<br/>2011</b> | <b>Mua mực in của công ty Việt Hàn Mỹ.</b>   | <b>611<br/>133</b>  |                                   | <b>13.629.502<br/>1.362.950</b> |
| <b>08/01/<br/>2011</b> | <b>PT01.02</b>  | <b>08/01/<br/>2011</b> | <b>Ngân hàng thu phí dịch vụ.</b>            | <b>6427</b>         |                                   | <b>28.437</b>                   |

Khóa luận tốt nghiệp

|                |          |                |   |             |                             |                         |
|----------------|----------|----------------|---|-------------|-----------------------------|-------------------------|
|                |          |                | .....   |             |                             |                         |
| 13/01/<br>2011 | CHV01.22 | 13/01/<br>2011 | Doanh thu in hàng cho công ty Shints<br>BVT     | 511<br>3331 | 33.484.297<br>3.348.429     |                         |
|                |          |                | .....   |             |                             |                         |
| 19/01/<br>2011 | PT01.17  | 19/01/<br>2011 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền<br>mặt. | 111         |                             | 17.000.000              |
|                |          |                | .....   |             |                             |                         |
| 25/01/<br>2011 | NHV01.28 | 25/01/<br>2011 | Mua mực in của cty Mir Vina.                    | 611<br>133  |                             | 21.683.360<br>2.168.336 |
| 25/01/<br>2011 | PT01.28  | 25/01/<br>2011 | Ngân hàng thu phí dịch vụ.                      | 6427        |                             | 32.500                  |
| 26/01/<br>2011 | CHV01.29 | 26/01/<br>2011 | Lãi nhập vốn                                    | 515         | 470.823                     |                         |
|                |          |                | .....   |             |                             |                         |
|                |          |                | Cộng số phát sinh T1                            |             | 3.568.116.392               | 2.028.778.532           |
|                |          |                | <b><u>Số dư cuối T1</u></b>                     |             | <b><u>1.832.289.331</u></b> |                         |
|                |          |                | .....   |             |                             |                         |
|                |          |                | <b><u>Cộng số phát sinh trong kỳ</u></b>        |             | 16.240.643.320              | 15.812.340.640          |
|                |          |                | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>                     |             | <b><u>721.254.153</u></b>   |                         |

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Tổng Giám Đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



2.2.2.2. *Hạch toán tổng hợp tiền gửi ngân hàng*

**Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Bảng liệt kê giao dịch
- Ngoài ra còn có các chứng từ liên quan như là: Hóa đơn GTGT của hàng hóa mua vào hoặc bán ra, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...

**Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ tiền gửi ngân hàng(VNĐ)
- Sổ tiền gửi ngân hàng(USD)
- Sổ cái TK 112

**Tài khoản sử dụng:**

- TK 112 được công ty theo dõi chi tiết với 2 tài khoản:
  - + TK 1121: Tiền gửi ngân hàng - Việt Nam Đồng
  - + TK 1122: Tiền gửi ngân hàng - USD

**Sơ đồ kế toán tổng hợp của tài khoản 112 (1121) tháng 01/2011:**

| 112 (1121)                              |                     |                                      |      |
|---|---------------------|--------------------------------------|------|
| Số dư đầu kỳ: <b><u>189.483.571</u></b> |                     |                                      |      |
| 511                                     | 846.900.529         | 931.590.582                          | 111  |
|   | (doanh thu in hàng) | (rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ) |      |
| 3331                                    | 84.690.053          | 38.844.148                           | 611  |
|   |                     | (mua mực in hàng)                    |      |
| 515                                     | 470.823             | 3.531.286                            | 133  |
|   | (lãi nhập vốn)      |                                      |      |
|   |                     | 60.937                               | 6427 |
|   |                     | (ngân hàng thu phí dịch vụ)          |      |
| .....                                   |                     | .....                                |      |
| <b>T1:3.504.281.249</b>                 |                     | <b>1.926.093.721</b>                 |      |
| <b><u>1.767.671.099</u></b>             |                     |                                      |      |
| <b>15.633.097.281</b>                   |                     | <b>15.101.798.484</b>                |      |
| <b><u>720.782.368</u></b>               |                     |                                      |      |

Sơ đồ kế toán tổng hợp của tài khoản 112 (1122) tháng 01/2011:

| 112 (1122)                                      |   |
|---|---|
| Số dư đầu kỳ: <b><u>103.467.900</u></b>         |   |
| 511   | 1121  |
| 3331  | 111   |
| 515   |   |
| 33.484.297    36.832.726<br>(doanh thu in hàng) | 101.634.500<br>(bán ngoại tệ cho ngân hàng) |
| 3.348.429<br>←                                  | 67.448.350<br>(rút USD về nhập quỹ)         |
| 23.640<br>(lãi nhập vốn)                        |   |
| .....   | .....                                       |
| <b>T1:63.835.143</b>                            | <b>102.684.811</b>                          |
| <b><u>64.618.232</u></b>                        |   |
| <b>607.546.040</b>                              | <b>710.542.155</b>                          |
| .....   | .....                                       |
| <b><u>471.875</u></b>                           |   |

**2.2.3. Kế toán tiền đang chuyển**

Trong thực tế đơn vị đã mở sổ sách theo dõi tài khoản Vốn Bằng Tiền nhưng công ty chưa sử dụng tài khoản 113.

## CHƯƠNG III:

# MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH DAE HYUN VINA

### 3.1. Những nhận xét đánh giá về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại công ty.

#### 3.1.1. Ưu điểm:

##### - Bộ máy kế toán:

+ Tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, khoa học, nề nếp, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho ban giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính để có thể đưa ra những quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời.

+ Tạo điều kiện cho công tác phân công lao động, chuyên môn hóa theo các phân hành kế toán, nâng cao trình độ nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán.

+ Mỗi nhân viên kế toán trong công ty phụ trách một phân hành kế toán riêng biệt giúp cho công tác kế toán được tiết kiệm thời gian, chi phí và chính xác hơn.

+ Giữa các phân hành kế toán có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán ghi chép.

##### - Hình thức kế toán:

+ Công ty vận dụng vào thực tế một cách linh hoạt, hình thức kế toán Nhật Ký Chung được áp dụng trong công tác kế toán hoàn toàn hợp lý và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Hạn chế được lượng lớn sổ sách công kênh, giảm bớt khối lượng ghi chép, cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời.

+ Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

- **Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ:**

+ Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định.

+ Chứng từ được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

+ Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu.

+ Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của nhà nước.

+ Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, kế toán vốn bằng tiền tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

- **Về sổ sách kế toán:** Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu, chi của Tiền Mặt (TK111), Tiền Gửi Ngân Hàng (TK112) như: Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản 111, 112. Điều đó được thể hiện trong việc tổ chức hạch toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

- **Hạch toán kế toán:** Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này được ghi theo trình tự thời gian nên rất thuận tiện cho việc theo dõi.

+ Hạch toán tiền mặt: Việc lập sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các phiếu thu, phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu các số liệu với sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác. Giúp phát hiện được

những chênh lệch, tìm ra được nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời.

+ Hạch toán tiền gửi ngân hàng: Việc lập sổ tiền gửi ngân hàng căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có cũng giúp cho kế toán theo dõi so sánh số liệu với sổ tiền gửi ngân hàng để quản lý lượng tiền gửi được tốt hơn, phát hiện được các chênh lệch nếu có.

- **Cập nhật thông tin:** Kế toán thường xuyên nắm vững và vận dụng những thông tư, quyết định mới của bộ tài chính và công tác hạch toán vốn bằng tiền. Hơn thế, trước những thay đổi một số quy định về phương pháp hạch toán kế toán tại một số phân hành công ty đã kịp thời cập nhật để thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán mới.

- **Đào tạo nhân lực:** Công ty còn luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty nói chung và trong phòng kế toán nói riêng bằng cách gửi nhân viên đi học các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mở rộng tầm hiểu biết, đáp ứng kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành.

### 3.1.2. Hạn chế:

#### 1) Về chứng từ:

• Công ty chưa sử dụng một số chứng từ liên quan đến công tác hạch toán vốn bằng tiền như: Biên lai thu tiền, Giấy đề nghị thanh toán là căn cứ để lập phiếu thu, phiếu chi để hạch toán các khoản thu chi của công ty. Ngoài ra còn có giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng làm cơ sở thiết lập chứng từ thu, chi.

• Không sử dụng bảng kê chi tiền: Do đó không liệt kê được khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi.

#### 2) Về sổ sách:

• Chưa mở sổ nhật ký đặc biệt (nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền) làm mất nhiều thời gian cho việc ghi chép và tổng hợp số liệu liên quan tới vốn bằng tiền của công ty vì khối lượng nghiệp vụ phát sinh liên quan tới tiền ngày càng nhiều.

**3) Không hạch toán tiền đang chuyển:** Địa bàn hoạt động của công ty trải rộng trên toàn quốc nên việc thanh toán gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý. Đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng chưa nhận được giấy báo có hay bản sao kê của ngân hàng nhưng hiện nay công ty lại không sử dụng TK 113 – Tiền Đang Chuyển để theo dõi, điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

**4) Về hình thức thanh toán:** Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng không được sử dụng một cách triệt để, có quá nhiều khoản tiền lớn được thực hiện tại quỹ, điều này ảnh hưởng tới vấn đề an toàn tiền tại quỹ của công ty. Mặt khác, lượng tiền mặt tồn tại quỹ quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

**5) Quản lý quỹ tiền mặt chưa tốt:** Kế toán không tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ. Do đó không xác định được số chênh lệch (thừa, thiếu) giữa tiền hiện có đến ngày kiểm quỹ với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất cho cá nhân khi sổ kế toán chênh lệch.

**6) Vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm:** Đối với một số khoản chi thì thủ quỹ vẫn là người trực tiếp đứng ra mua hàng, thủ quỹ kiêm kế toán vốn bằng tiền và kế toán tiền lương, điều này không đảm bảo tính trung thực và khách quan, dễ gây gian lận cho những khoản tiền do Thủ Quỹ chi.

**7) Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán:** Công ty chưa đưa phần mềm kế toán vào sử dụng mặc dù phòng kế toán được trang bị máy tính đầy đủ. Nhưng chỉ dừng lại trên Excel không sử dụng phần mềm kế toán riêng biệt để phục vụ công tác kế toán. Điều này làm lãng phí thời gian, công sức lao động, gây áp lực về khối lượng công việc, không mang lại hiệu quả làm việc.

### 3.1.3. Nguyên nhân của những tồn tại:

\* **Nguyên nhân khách quan:**

- Hệ thống pháp luật, chính sách, chế độ quản lý còn nhiều bất cập, đặc biệt các cơ quan quản lý còn chưa quan tâm đúng mức việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn để doanh nghiệp yên tâm sản xuất kinh doanh.
- Công ty phải chia sẻ thị trường với rất nhiều đối thủ cạnh tranh.

\* **Nguyên nhân chủ quan:**

- Do công việc tại phòng kế toán tương đối nhiều, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh dồn dập nên không thể bố trí nhân lực tiến hành việc kiểm kê quỹ thường xuyên nên việc thống kê là tương đối khó khăn, dễ xảy ra thất thoát.

- Do tuổi tác giữa các nhân viên trong phòng kế toán có sự chênh lệch nên việc áp dụng công nghệ thông tin trong công việc sẽ gặp phải những khó khăn nhất định. Bên cạnh đó, công ty sẽ phải mất thêm chi phí cũng như thời gian để tạo điều kiện cho họ có thể sử dụng và áp dụng thành thạo những công nghệ mới trong quá trình làm việc.

- Đội ngũ cán bộ quản lý chưa tích cực, nhân viên kế toán ngại thay đổi làm theo cái mới. Bên cạnh những nhân viên lâu năm, có trình độ cũng như kinh nghiệm còn có những nhân viên trẻ, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế mà không có điều kiện để được bồi dưỡng trình độ.

**3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina.**

**3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán Vốn Bằng Tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina.**

Như chúng ta đã biết: Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển.

Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải khắc phục được những nhược điểm để sử dụng tốt Vốn bằng tiền và hạch toán Vốn bằng tiền, nắm được lượng vốn, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động kinh doanh của công ty.

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán Vốn Bằng Tiền là một việc làm cần thiết vì:

- + Tạo ra sự thống nhất và đồng bộ trong quá trình kinh doanh của công ty.
- + Mọi khâu trong công tác tổ chức cần phải hợp lý và chính xác để việc hạch toán diễn ra dễ dàng.



+ Cung cấp đầy đủ các thông tin cho công ty về tình hình tài chính nhằm đưa những phương án hợp lý trong việc sử dụng vốn, thanh toán kịp thời các khoản nợ phải thu, nợ phải trả, giúp cho công ty sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất, làm cho tiền trong công ty có thể quay vòng nhanh nhất, tránh lãng phí, ứ đọng và thiếu hụt.

### ***3.2.2. Yêu cầu của sự hoàn thiện công tác kế toán Vốn Bằng Tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina.***

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thị trường và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần phải thấy được những đặc trưng của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán để tìm ra các biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán Vốn Bằng Tiền nói riêng phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành.
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả.

### ***3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina.***

#### ***3.2.3.1. Hoàn thiện về chứng từ:***

**✚ Hoàn thiện mẫu chứng từ:** Để công tác kế toán vốn bằng tiền tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mới thì công ty nên sử dụng mẫu 1 số chứng từ liên quan đến công tác hạch toán vốn bằng tiền như: Biên lai thu tiền, Giấy đề nghị thanh toán, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng được ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC với mẫu sau, sẽ giúp công ty dễ theo dõi, làm cơ sở lập chứng từ gốc

**Mẫu số 01:**

Đơn vị: .....

Bộ phận: .....

**Mẫu số: 03-TT**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

*Ngày....tháng....năm....*

Số: .....

**Kính gửi:**

Tên tôi là:

Địa chỉ:

Đề nghị cho tạm ứng số tiền: (Viết bằng chữ):

Lý do tạm ứng:

Thời hạn thanh toán:

|                     |                       |                          |                              |
|---------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------------|
| <b>Giám đốc</b>     | <b>Kế toán trưởng</b> | <b>Phụ trách bộ phận</b> | <b>Người đề nghị tạm ứng</b> |
| <i>(Ký, họ tên)</i> | <i>(Ký, họ tên)</i>   | <i>(Ký, họ tên)</i>      | <i>(Ký, họ tên)</i>          |

**Mẫu số 02:**

Đơn vị: .....

**Mẫu số: 04-TT**

Bộ phận: .....

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)*

**GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG**

*Ngày.....tháng.....năm.....*

Số: .....

Nợ: .....

Có: .....

- Họ và tên người thanh toán:
- Bộ phận (hoặc địa chỉ):
- Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

| <b>Diễn giải</b>  | <b>Số tiền</b> |
|---|----------------|
| <b>A</b>  | <b>1</b>       |
| <p><b>I.Số tiền tạm ứng</b></p> <p>1. Số tiền tạm ứng kỳ trước chưa chi hết</p> <p>2. Số tạm ứng kỳ này:</p> <p style="padding-left: 40px;">- Phiếu chi số: .....ngày.....</p> <p style="padding-left: 40px;">- Phiếu chi số: .....ngày.....</p> <p><b>II.Số tiền đã chi:</b></p> <p>1. Chứng từ số.....ngày.....</p> <p>2. ....</p> <p><b>III.Chênh lệch</b></p> <p>1. Số tạm ứng chi không hết(I-II)</p> <p>2. Chi quá số tạm ứng(II-I)</p> | <p>.....</p>   |

**Giám đốc    Kế toán trưởng    Kế toán thanh toán    Người đề nghị thanh toán**

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

**Mẫu số 03:**

Đơn vị: .....

**Mẫu số: 05-TT**

Địa chỉ: .....

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

*Ngày.....tháng.....năm.....*

**Kính gửi:**

- Họ và tên người đề nghị thanh toán:
- Bộ phận(hoặc địa chỉ):
- Nội dung thanh toán:
- Số tiền: (Viết bằng chữ):  
(Kèm theo ..... chứng từ gốc).

**Người đề nghị thanh toán**

**Kế toán trưởng**

**Người duyệt**

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

**Mẫu số 04:**

Đơn vị: .....

**Mẫu số: 06-TT**

Địa chỉ: .....

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)*

**BIÊN LAI THU TIỀN**

*Ngày..... tháng ...năm.....*

Quyển số: .....

Số: .....

- Họ và tên người nộp:
- Địa chỉ:
- Nội dung thu:
- Số tiền thu: (Viết bằng chữ):

**Người nộp tiền**

**Người thu tiền**

*(Ký, họ tên)*

*(Ký, họ tên)*

**Hoàn thiện bảng kê chi tiền:** Kế toán vốn bằng tiền nên mở bảng kê chi tiền nhằm mục đích liệt kê được các khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán, giúp công ty thuận lợi cho việc quản lý, đối chiếu, và kiểm tra số liệu. Bảng kê chi tiền được mở theo mẫu sau:

**Mẫu số 05:**

Đơn vị: .....

Bộ phận: .....

**Mẫu số: 09-TT**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)*

**BẢNG KÊ CHI TIỀN**

Ngày....tháng....năm....

- Họ và tên người chi:
- Bộ phận(hoặc địa chỉ):
- Chi cho công việc:

| STT | Chứng từ |             | Nội dung chi | Số tiền |
|-----|----------|-------------|--------------|---------|
|     | Số hiệu  | Ngày, tháng |              |         |
| A   | B        | C           | D            | 1       |
|     |          |             |              |         |
|     |          |             | Cộng         |         |

Số tiền viết bằng chữ:

(Kèm theo..... chứng từ gốc).

**Người lập bảng kê**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Người duyệt**

*(Ký, họ tên)*

3.2.3.2. Hoàn thiện về hệ thống sổ sách:

Công ty nên thêm mẫu sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền, giúp cho việc ghi chép được rõ ràng, thuận tiện cho việc đối chiếu, kiểm tra cũng như tiết kiệm được thời gian cho việc ghi chép và tổng hợp số liệu. Đảm bảo có đầy đủ thông tin cung cấp cho lãnh đạo phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ Đối với nhật ký thu tiền: Hàng ngày khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới việc thu tiền của công ty, kế toán ghi vào nhật ký thu tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Nợ TK... thể hiện phát sinh tăng tiền trong tháng của công ty.

+ Đối với nhật ký chi tiền: Hàng ngày khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới việc chi tiền của công ty, kế toán ghi vào nhật ký chi tiền. Đến cuối tháng, kế toán cộng dồn cột ghi Có TK... thể hiện phát sinh giảm tiền trong tháng của công ty.

Kế toán vốn bằng tiền nên mở sổ nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền theo mẫu sau:

**Mẫu số 06:**

Đơn vị: .....

**Mẫu số: S03a1-DN**

Địa chỉ: .....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN**

Năm .....

| Ngày,<br>Tháng<br>ghi sổ | Chứng từ   |               | Diễn giải                     | Ghi<br>nợ<br>TK<br>... | Ghi Có các TK  |         |   |   |
|--------------------------|------------|---------------|-------------------------------|------------------------|----------------|---------|---|---|
|                          | Số<br>Hiệu | Ngày<br>Tháng |                               |                        | Tài khoản khác |         | . | . |
|                          |            |               |                               |                        | Số tiền        | Số hiệu |   |   |
|                          |            |               | Số trang trước<br>chuyển sang |                        |                |         |   |   |
|                          |            |               |                               |                        |                |         |   |   |
|                          |            |               |                               |                        |                |         |   |   |
|                          |            |               |                               |                        |                |         |   |   |
|                          |            |               | Cộng chuyển<br>sang trang sau |                        |                |         |   |   |

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang....

- Ngày mở sổ.....

Ngày...tháng...năm...

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 07:**

Đơn vị: .....

**Mẫu số: S03a2-DN**

Địa chỉ: .....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN**

Năm .....

| Ngày,<br>Tháng<br>ghi sổ | Chứng từ   |               | Diễn giải                     | Ghi<br>có<br>TK... | Ghi Nợ các TK |   |                |            |
|--------------------------|------------|---------------|-------------------------------|--------------------|---------------|---|----------------|------------|
|                          | Số<br>Hiệu | Ngày<br>Tháng |                               |                    | .             | . | Tài khoản khác |            |
|                          |            |               |                               |                    |               |   | Số tiền        | Số<br>hiệu |
|                          |            |               | Số trang trước<br>chuyển sang |                    |               |   |                |            |
|                          |            |               |                               |                    |               |   |                |            |
|                          |            |               |                               |                    |               |   |                |            |
|                          |            |               |                               |                    |               |   |                |            |
|                          |            |               | Cộng chuyển<br>sang trang sau |                    |               |   |                |            |

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang....

- Ngày mở sổ.....

Ngày...tháng...năm...

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



*3.2.3.3. Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển:*

Để công tác kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vốn bằng tiền, kế toán tiền mặt nên mở TK 113- Tiền đang chuyển để theo dõi cho những khoản tiền đang chuyển trong những trường hợp sau: Thủ tục thanh toán, thủ tục chuyển tiền đã được thực hiện nhưng chưa nhận được giấy báo có, báo nợ hay bảng sao kê của ngân hàng.... Đảm bảo được tính trung thực, khách quan không gây ra nhầm lẫn.

Công ty nên mở sổ ghi chép để tiện theo dõi, kết cấu sổ có thể là:

Cột đầu tiên ghi số hiệu và ngày, tháng lập của chứng từ kế toán được dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cột thứ 2 ghi tóm tắt nội dung nghiệp vụ phát sinh.

Cột thứ 3 ghi số hiệu của các tài khoản đối ứng liên quan đến nghiệp vụ phát sinh với TK 113.

Cột thứ 4 ghi số tiền phát sinh bên Nợ hoặc Có của TK 113 theo từng nghiệp vụ kinh tế.

Đầu tháng, ghi số dư đầu kỳ của tài khoản vào dòng đầu tiên, cột số dư bên Nợ TK 113. Cuối tháng, cộng số phát sinh Nợ TK 113, số phát sinh Có TK 113, tính ra số dư cuối kỳ.

*3.2.3.4. Về hình thức thanh toán:*

Việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng nên sử dụng một cách triệt để, đối với những khoản tiền lớn nên thực hiện thanh toán qua ngân hàng. Vì hiện nay hệ thống ngân hàng phát triển trên toàn quốc và quốc tế không chỉ ngân hàng nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng phát triển với những dịch vụ tiện ích. Với công nghệ hiện đại tiên tiến việc chuyển tiền qua các hệ thống ngân hàng diễn ra nhanh chóng và thuận tiện, giúp công ty tiết kiệm thời gian, chi phí, đảm bảo vấn đề an toàn tiền quỹ của công ty cũng như khả năng sinh lời của tiền, hạn chế được tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán cũng như các sai sót, gian lận.

*3.2.3.5. Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt*

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối

năm có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với số quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Mọi khoản chênh lệch đều phải báo cáo giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ ban kiểm kê quỹ phải lập bảng kiểm kê quỹ thành 2 bản:

- Một bản lưu ở thủ quỹ
- Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán

Bảng kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

**Mẫu số 08:**

Đơn vị: .....

**Mẫu số: 08a-TT**

Bộ phận: .....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

**BẢNG KIỂM KÊ QUỸ**

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào...giờ...ngày...tháng...năm...

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà:.....đại diện kế toán
- Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ
- Ông/Bà:.....đại diện.....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

| STT | Diễn giải             | Số lượng(tờ) | Số tiền |
|-----|-----------------------|--------------|---------|
| A   | B                     | 1            | 2       |
| I   | Số dư theo sổ quỹ:    |              |         |
| II  | Số kiểm kê thực tế:   |              |         |
| 1   | Trong đó: -` Loại     |              |         |
| 2   | - Loại                |              |         |
| 3   | - Loại                |              |         |
| 4   | - .....               |              |         |
| III | Chênh lệch(III=I-II): |              |         |

- Lý do : + Thừa:

+ Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

**Kế toán trưởng**

**Thủ quỹ**

**Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

*3.2.3.6. Phải tuân thủ đúng nguyên tắc bất kiêm nhiệm*

Để đảm bảo tính trung thực, khách quan và tránh gian lận trong khâu thu mua thì không nên để thủ quỹ đứng ra mua hàng. Công ty nên cử những nhân viên chuyên mua hàng mà những nhân viên này phải hoạt động độc lập với phòng kế toán.

*3.2.3.7. Công tác kế toán nên sử dụng phần mềm kế toán máy*

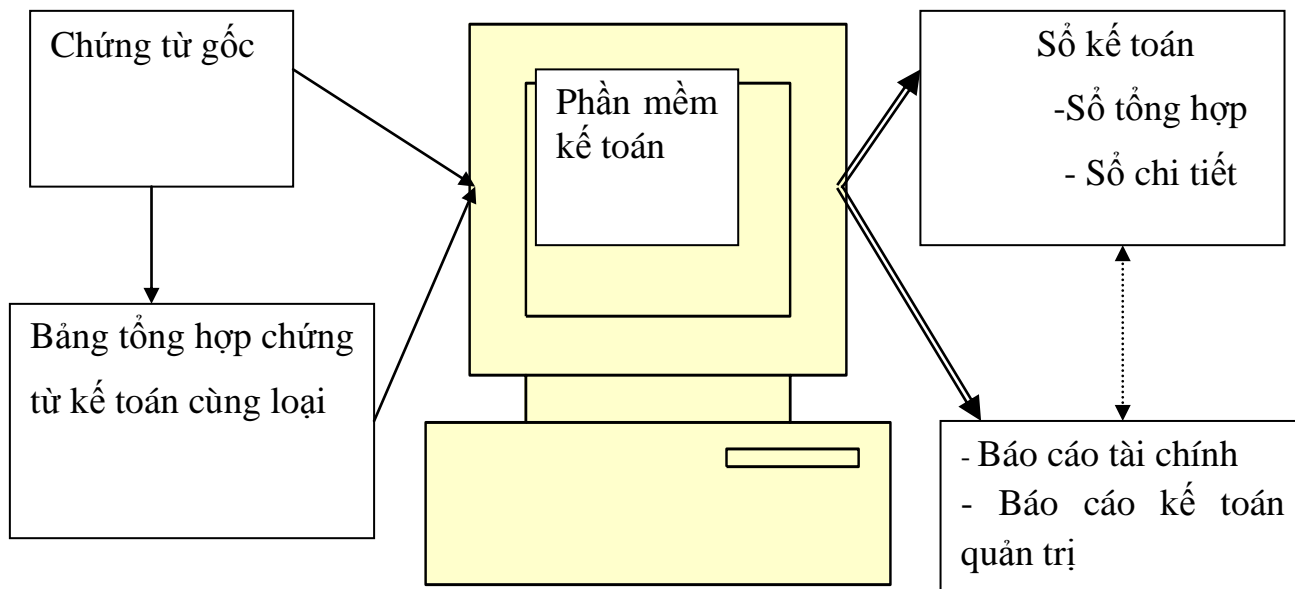
Hiện nay công nghệ thông tin phát triển, ngày càng có nhiều phần mềm kế toán đơn giản dễ sử dụng, đáp ứng công việc kế toán mà vẫn giữ được bảo mật thông tin. Việc sử dụng phần mềm kế toán góp phần hiện đại hóa và nâng cao công tác quản lý, tiết kiệm thời gian nguồn nhân lực cho công ty, giảm áp lực trong công tác kế toán, giảm nhầm lẫn do tính toán thủ công gây ra, một kế toán có thể đảm nhận nhiều phần hành kế toán, đáp ứng một cách nhanh chóng, chính xác kịp thời thông tin kế toán khi có nhu cầu. Từ đó tạo điều kiện cho kế toán tập trung vào công việc tư vấn tài chính, lập kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp, nâng cao công tác kế toán cũng như hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay tại công ty TNHH Dae Hyun Vina đã có sự hỗ trợ của phần mềm tin học Microsoft Excel song đối với công tác kế toán thì đây chưa phải là phần mềm mang lại hiệu quả tối ưu nhất vì vậy công ty nên mua phần mềm kế toán máy để phục vụ cho công tác kế toán.

Cụ thể công ty nên đặt mua phần mềm kế toán riêng áp dụng cho hình thức kế toán nhật ký chung. Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó.

Trình tự kế toán áp dụng khi sử dụng phần mềm kế toán được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 3.1. Trình tự kế toán trên máy:**



**Ghi chú:**

Nhập số liệu hàng ngày:  $\longrightarrow$

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

- Khi sử dụng phần mềm kế toán hàng ngày các kế toán viên chỉ việc nhập số liệu vào máy vi tính, máy tính sẽ tự động cập nhật vào các chứng từ và ghi các sổ liên quan theo hình thức nhật ký chung. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm sẽ tự động lập bảng tổng hợp và báo cáo cần thiết.

- Để sử dụng phần mềm kế toán công ty cần lựa chọn phần mềm và các nhà cung cấp cho phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó công ty cũng cần đầu tư cho đào tạo nhân viên kế toán học cách sử dụng phần mềm thành thạo.

- Bộ phận kế toán cũng cần lên các phân hệ kế toán như: kế toán vốn bằng tiền, kế toán hàng tồn kho, kế toán tiền lương.... Tạo danh mục mã hóa cho các đối tượng như: tài khoản công ty sử dụng, tài khoản con, danh mục hàng hóa, danh mục khách hàng, danh mục nhà cung cấp...

- Việc sử dụng phần mềm kế toán giúp công ty có thể quản lý tốt việc sử dụng vốn bằng tiền. Kế toán chỉ cần nhập dữ liệu... phần mềm sẽ tự động nhập phiếu thu, phiếu chi, vào sổ chi tiết hàng ngày, thuận tiện cho việc kiểm tra sổ

liệu bất cứ lúc nào cần, điều này hạn chế rất nhiều sai sót trong công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Hiện nay trên thị trường có một số phần mềm kế toán được sử dụng như: Misa, Fast Accounting, Emass, Metadata...

## KẾT LUẬN

Công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp là vô cùng cần thiết và quan trọng. Thông qua kế toán Vốn Bằng Tiền giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tăng giảm của Vốn Bằng Tiền, từ đó có kế hoạch sử dụng và điều hành Vốn Bằng Tiền sao cho hợp lý để thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển và nhu cầu đời sống.

Khóa luận: **Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina** đã đề cập được một số vấn đề cơ bản sau:

- **Về mặt lý luận:** Đã đưa ra được những vấn đề chung về Vốn Bằng Tiền và kế toán Vốn Bằng Tiền, các phương pháp hạch toán Vốn Bằng Tiền tại các doanh nghiệp.

- **Về mặt thực tế:** Đã phản ánh một cách trung thực về tổ chức hạch toán kế toán Vốn Bằng Tiền của công ty TNHH Dae Hyun Vina và lấy số liệu năm 2011 để minh chứng.

Khóa luận cũng đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán Vốn Bằng Tiền ở công ty TNHH Dae Hyun Vina nói riêng, cho các công ty nói chung. Các kiến nghị đều dựa trên cơ sở thực tế và đều mang tính khả thi, tuy nhiên chưa thoát khỏi màu sắc lý thuyết nhưng phần nào cũng phản ánh được sự mạnh dạn của tác giả nghiên cứu.

Do kiến thức còn có hạn và thời gian thực tập quá ngắn nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý của ban lãnh đạo công ty, các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty, các phòng ban có liên quan, của các thầy cô giáo trong trường, trong khoa và thầy giáo hướng dẫn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới ban lãnh đạo công ty, các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty, các phòng ban có liên quan đã tạo điều kiện và giúp em hoàn thành được bài khóa luận này đồng thời em xin cảm ơn các thầy, các cô giáo trong khoa đã chỉ bảo, góp ý để khóa luận được hoàn thành.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, Ngày 28 tháng 06 năm 2012

Sinh viên thực hiện:

Hoàng Thị Minh Hữu.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Nhà xuất bản Thống Kê năm 2009
  - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
  - Quyển 2: Báo cáo tài chính, Chứng từ, Sổ kế toán và sơ đồ kế toán chủ yếu
2. Giáo trình kế toán tài chính – TS. Võ Văn Nhị.
3. Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp – Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Thị Đông
4. Lý thuyết về thực hành kế toán tài chính – Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Công
5. Webservice : [www.webketoan.com.vn](http://www.webketoan.com.vn)
6. Tài liệu, sổ sách kế toán do công ty TNHH Dae Hyun Vina cung cấp, lấy số liệu năm 2011.



**MỤC LỤC**

**LỜI MỞ ĐẦU** ..... 1

**CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP** ..... 8

1.1 Lý luận chung về vốn bằng tiền ..... 8

1.1.1 Khái niệm vốn bằng tiền ..... 8

1.1.2 Đặc điểm của vốn bằng tiền ..... 8

1.1.3 Phân loại vốn bằng tiền ..... 8

1.1.4 Vai trò, vị trí của vốn bằng tiền ..... 9

1.1.5 Sự cần thiết của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp ..... 9

1.1.6 Yêu cầu quản lý vốn bằng tiền ..... 9

1.1.7 Vai trò của kế toán vốn bằng tiền  
..... 1

0

1.1.8 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền  
..... 1

1

1.2 Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp  
..... 1

1

1.2.1 Những nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền  
..... 1

1

1.2.2 Các quy định phải tôn trọng khi hạch toán vốn bằng tiền  
..... 1

1

1.2.3 Các chứng từ, sổ sách sử dụng để hạch toán vốn bằng tiền  
..... 1

2

|   |  |       |
|---|--|-------|
| 1.3   | Hạch toán kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp   | 21    |
| 1.3.1   | Hạch toán kế toán tiền mặt   | 21    |
| 1.3.2   | Hạch toán kế toán tiền gửi ngân hàng:  | 30    |
| 1.3.3   | Hạch toán kế toán tiền đang chuyển   | 38    |
| <b>CHƯƠNG II: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH DAE HYUN VINA</b>                           |  |       |
| 2.1.  | Tổng quan về công ty TNHH Dae Hyun Vina  | 41    |
| 2.1.1.  | Quá trình hình thành và phát triển   | 41    |
| 2.1.2   | Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh   | 44    |
| 2.1.3.  | Tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh   | 45    |
| 2.1.4.  | Công tác kế toán   | 46    |
| 2.2.  | Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina  | 52    |
| 2.2.1.  | Kế toán tiền mặt   | 52    |
| 2.2.2.  | Kế toán tiền gửi ngân hàng   | 70    |
| 2.2.3.  | Kế toán tiền đang chuyển   | 99    |
| <b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH DAE HYUN VINA</b> |  |       |
| 3.1.  | Những nhận xét đánh giá về công tác tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại công ty. | 10    |
| 0   |  |       |
| 3.1.1.  | Ưu   | điểm: |
|   |  | 10    |
| 0   |  |       |
| 3.1.2.  | Hạn  | chế:  |
|   |  | 10    |
| 2   |  |       |
| 3.1.3.  | Nguyên nhân của những tồn tại:   | 10    |
|   |  | 10    |
| 3   |  |       |

|  |     |
|--|-----|
| 3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina.<br>.....   | 10  |
| 4  |     |
| 3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán Vốn Bằng Tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina.<br>.....  | 10  |
| 4  |     |
| 3.2.2. Yêu cầu của sự hoàn thiện công tác kế toán Vốn Bằng Tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina.<br>.....     | 10  |
| 5  |     |
| 3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH Dae Hyun Vina.<br>..... | 10  |
| 5  |     |
| <b>KẾT LUẬN</b> .....  | 119 |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>   |     |